

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất
PETRO MIỀN TRUNG



PETROMIENTRUNG

GAS MIỀN TRUNG  **SINH RA ĐỂ PHỤC VỤ**

PMG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2023



PETROMIENTRUNG

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất

PETRO MIỀN TRUNG

[📍] Địa chỉ: Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

[☎] Điện thoại: +84-235.394.7233 / +84-235.394.7228

[📠] Số Fax: +84-235.394.7244

[🌐] Website: www.petrocenter.com.vn

MỤC LỤC



II. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu quản trị	18
Các công ty con và đơn vị trực thuộc	20
Hệ thống cầu cảng	24
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	28
Giới thiệu HĐQT, BKS và Ban điều hành	30
Bối cảnh vĩ mô và ngành khí thiên nhiên	38
Sức mạnh cạnh tranh của Petro Miền Trung	39
Chiến lược kinh doanh giai đoạn đến 2025	40
Gắn kết các bên liên quan trong chiến lược hoạt động	42
Quản trị rủi ro	46
Nguồn nhân lực	54

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu chung	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	8
Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty	10
Quá trình hình thành và phát triển	12



III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	56
Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát	59
Báo cáo và đánh giá của Ban TGD	60



IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất	66
--	----

GIỚI THIỆU CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO MIỀN TRUNG**

Tên tiếng Anh : **PETRO CENTER CORPORATION**

Tên viết tắt : **PETRO MIEN TRUNG CO., JSC**

Mã cổ phiếu : **PMG**

Sàn niêm yết : **Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
(HOSE)**

Logo :



PETROMIENTRUNG

Slogan : **Gas Miền Trung – Ra đời để phục vụ**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000462724 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007 thay đổi lần thứ 20 ngày 25/09/2020

Vốn điều lệ : **637.329.067.597 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **617.759.615.959 đồng
(theo BCTC HN kiểm toán năm 2023)**

Địa chỉ : **Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**

Số điện thoại : **+84-235.394.7233 / +84-235.394.7228**

Số Fax : **+84-235.394.7244**

Website : **www.petrocenter.com.vn**



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN



SẢN XUẤT THÙNG, BỂ CHỨA VÀ DỤNG CỤ CHỨA ĐỰNG BẰNG KIM LOẠI



VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ



NHÀ HÀNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĂN UỐNG PHỤC VỤ LƯU ĐỘNG



SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ PLASTIC



CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN THỦY SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỦY SẢN



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG BỘ KHÁC



DỊCH VỤ LƯU TRÚ NGẮN NGÀY



HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ KHÁC CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO Đâu



BÁN BUÔN ĐỒ UỐNG



BÁN BUÔN KIM LOẠI VÀ QUẶNG KIM LOẠI



ĐẠI LÝ, MÔI GIỚI, ĐẤU GIÁ



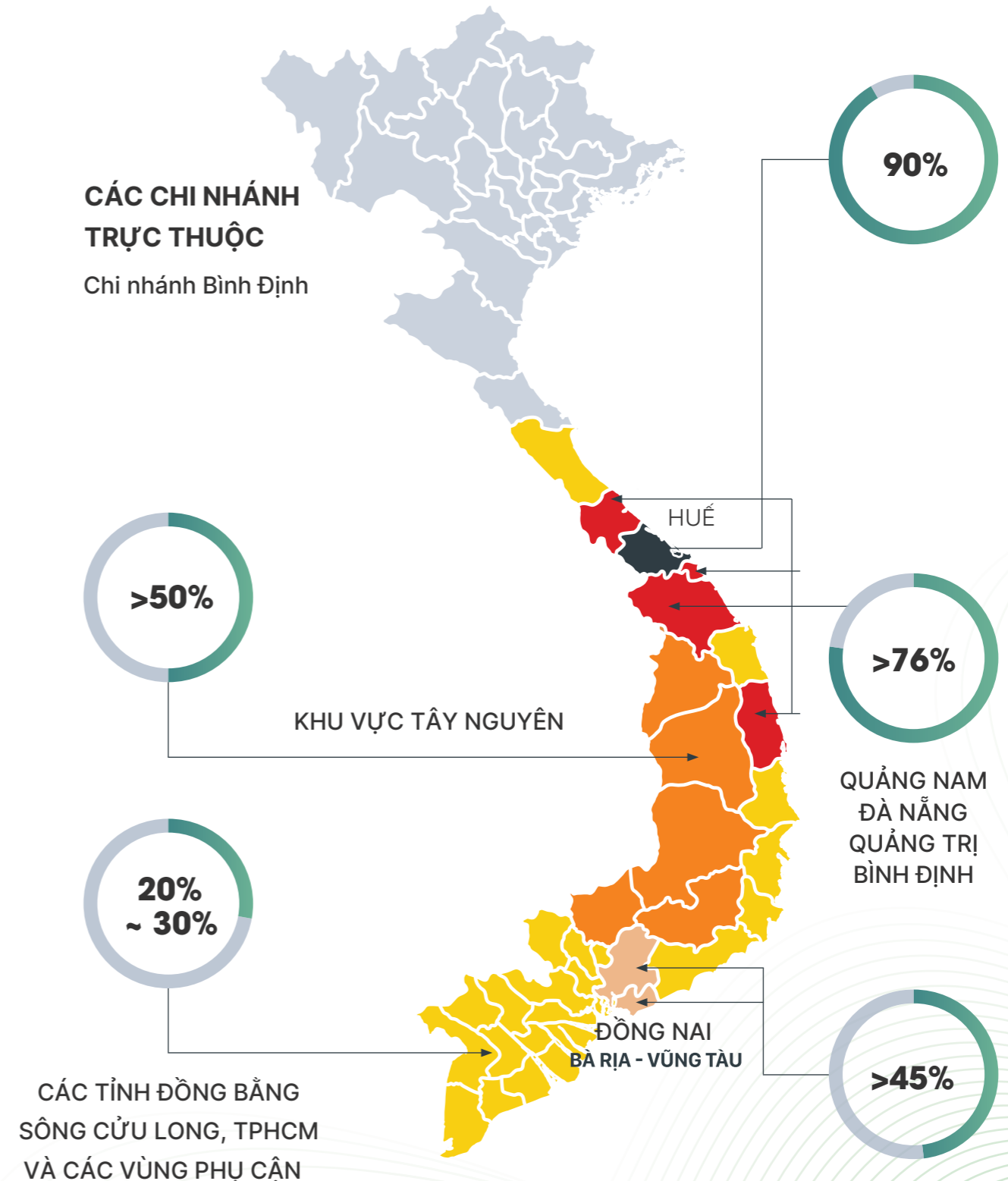
CHO THUÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG HỮU HÌNH KHÁC



BÁN BUÔN ĐỒ DÙNG KHÁC CHO GIA ĐÌNH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bản đồ khu vực kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

“ Trở thành doanh nghiệp kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) dẫn đầu tại thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á ”



SỨ MỆNH

Trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ và liên tục các sản phẩm - dịch vụ có chất lượng và giá thành tốt nhất dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm. Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt. Đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.



Khách hàng là trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động



Sản phẩm dịch vụ tốt nhất, giá thành cạnh tranh nhất



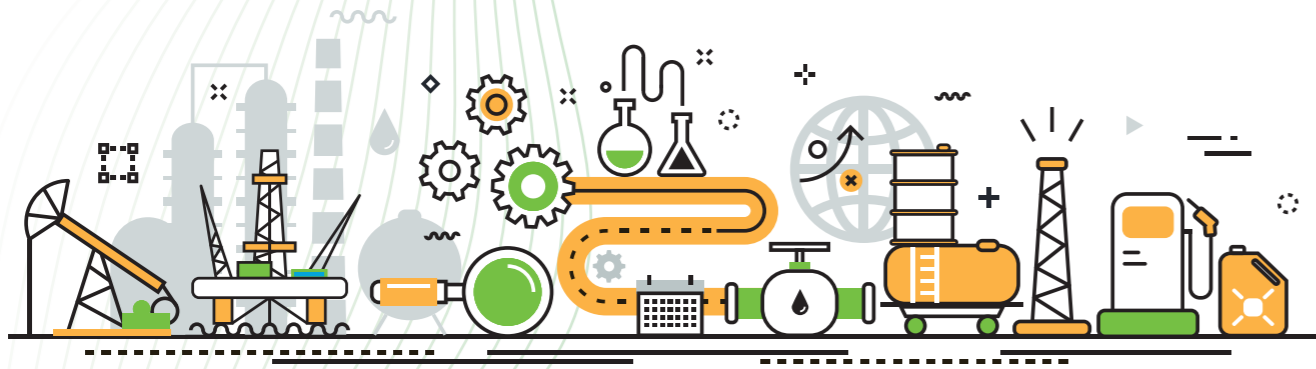
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Hệ thống dây chuyền công nghệ vận hành an toàn và hiện đại hàng đầu khu vực



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY



Hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình Gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng LPG tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

1. NHẬP KHẨU KHÍ GAS TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại cảng Đồng Nai và cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 05 đến 20.000 tấn.

2. TRỮ KHÍ VÀO CÁC TỔNG KHO CỦA CÔNG TY TẠI CÁC VÙNG MIỀN TRUNG

Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng được nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty

Đồng thời, Công ty tiến hành sơn sửa vỏ bình gas để chủ động trong quá trình chiết gas, cung cấp cho đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực



3. SƠN SỬA VỎ BÌNH GAS KHỐI LƯỢNG 12 KG VÀ 45 KG

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sơn sửa vỏ bình gas loại 12 kg và loại 45 kg.

4. CHIẾT NẠP KHÍ GAS VÀO BÌNH

Khí gas sẽ được chiết vào 02 loại bình đã được sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này vấn đề an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.

5. PHÂN PHỐI GAS ĐẾN NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sau khi được sơn sửa, các sản phẩm của Công ty (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho đại lý lớn và bán lẻ đến từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng cho mình một số khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí gas và chuyên cung cấp gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung, Công ty TNHH Trung Hiếu, THACO Trường Hải, CTCP kinh doanh dầu khí Quảng Bình, Công ty TNHH TM DV Dầu Khí Sài Gòn Hưng Thịnh, CTCP Dầu Khí Hậu Giang, CTCP Petro Lâm Sơn, Công ty TNHH DV Gas Hạnh Nguyên, CTCP Gas Đại Sự, Công ty TNHH Tân Nhà Việt, Công Ty TNHH Thương Mại Đức Gas... thị phần cung cấp Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của Công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V – Gas, PM Gas và Picnic – Vip.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi: Quý Cổ đông và Nhà đầu tư,

Trước tiên, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các Quý Cổ đông Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên vì sự đóng góp và cống hiến tận tình của mọi người trong năm 2023 vừa qua - một năm đầy thách thức cho nền kinh tế nhưng cũng là bộ phận của cơ hội và sự phát triển.

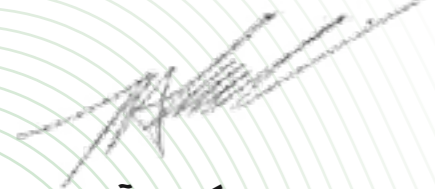
Năm 2023, ngành công nghiệp dầu khí đã phải trải qua nhiều biến động và khó khăn do ảnh hưởng của tình hình vĩ mô, từ giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh, khí hậu cực đoan tại nhiều khu vực đến sự đổi mới trong quy định pháp luật, Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua những thách thức này nhờ sự đồng hành, sáng tạo, tính kiên trì bền bỉ và tinh thần đoàn kết của mọi người. Kết quả kinh doanh 2023 có bước tiến triển vào nửa cuối năm 2023 chính là kết quả minh chứng cho nỗ lực của Công ty và toàn thể Cán bộ công nhân viên trong năm vừa qua. Tính đến nay, Công ty đã và đang tích cực tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ khác, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao thị phần tại các khu vực miền Trung Nam. Điều này không chỉ giúp Công ty củng cố vị thế của mình trong ngành, mà còn tạo ra nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Đương nhiên, PMG sẽ không ngừng lại ở đây mà còn hướng tới những mục tiêu cao cả hơn khi đặt việc đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường lên hàng đầu. Năm 2024, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào việc nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động, và tìm kiếm những cơ hội mở rộng cho việc đa dạng hóa kinh doanh... PMG sẽ đảm bảo rằng mọi hoạt động của Công ty được thực hiện một cách bền vững, rủi ro được quản lý hiệu quả và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt nhất.

Năm 2023 đi qua với nhiều bất ổn, khó khăn được dự báo sẽ tiếp tục kéo dài tới năm 2024 và các năm tiếp theo. Kinh tế thế giới có thể tiếp tục đối mặt với rủi ro phục hồi chậm do nguy cơ các cuộc khủng hoảng năng lượng, y tế, môi trường, v.v... hay xung đột địa, chính trị tại nhiều khu vực. Tuy nhiên Petro Miền Trung sẽ luôn thận trọng, tự tin và vững bước tiến lên, phát huy tốt những lợi thế của mình. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác. Tôi cũng đặc biệt dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV, những người đã cùng Công ty bước qua nhiều khó khăn, trở ngại để PMG có được nền tảng vững mạnh như ngày hôm nay.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

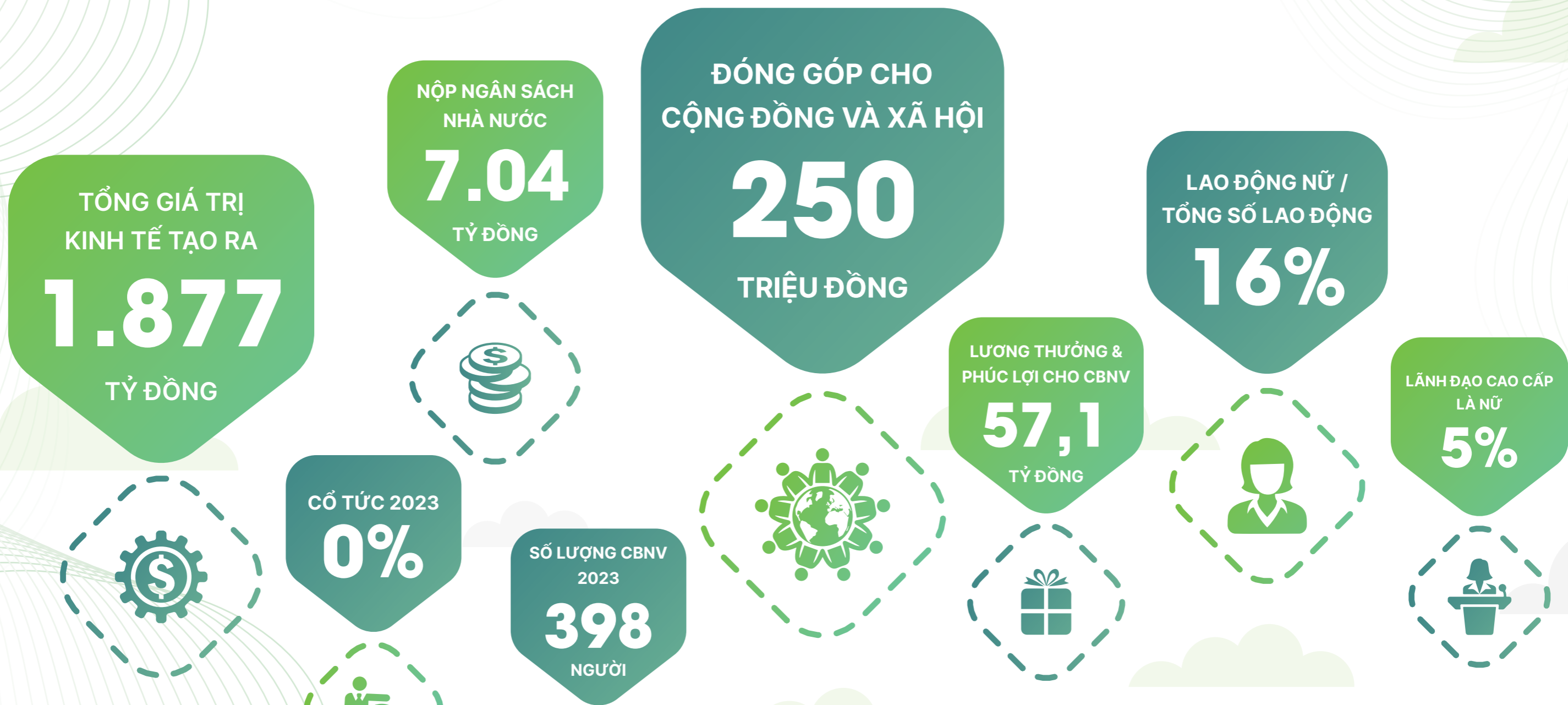


NGUYỄN TIẾN LĂNG

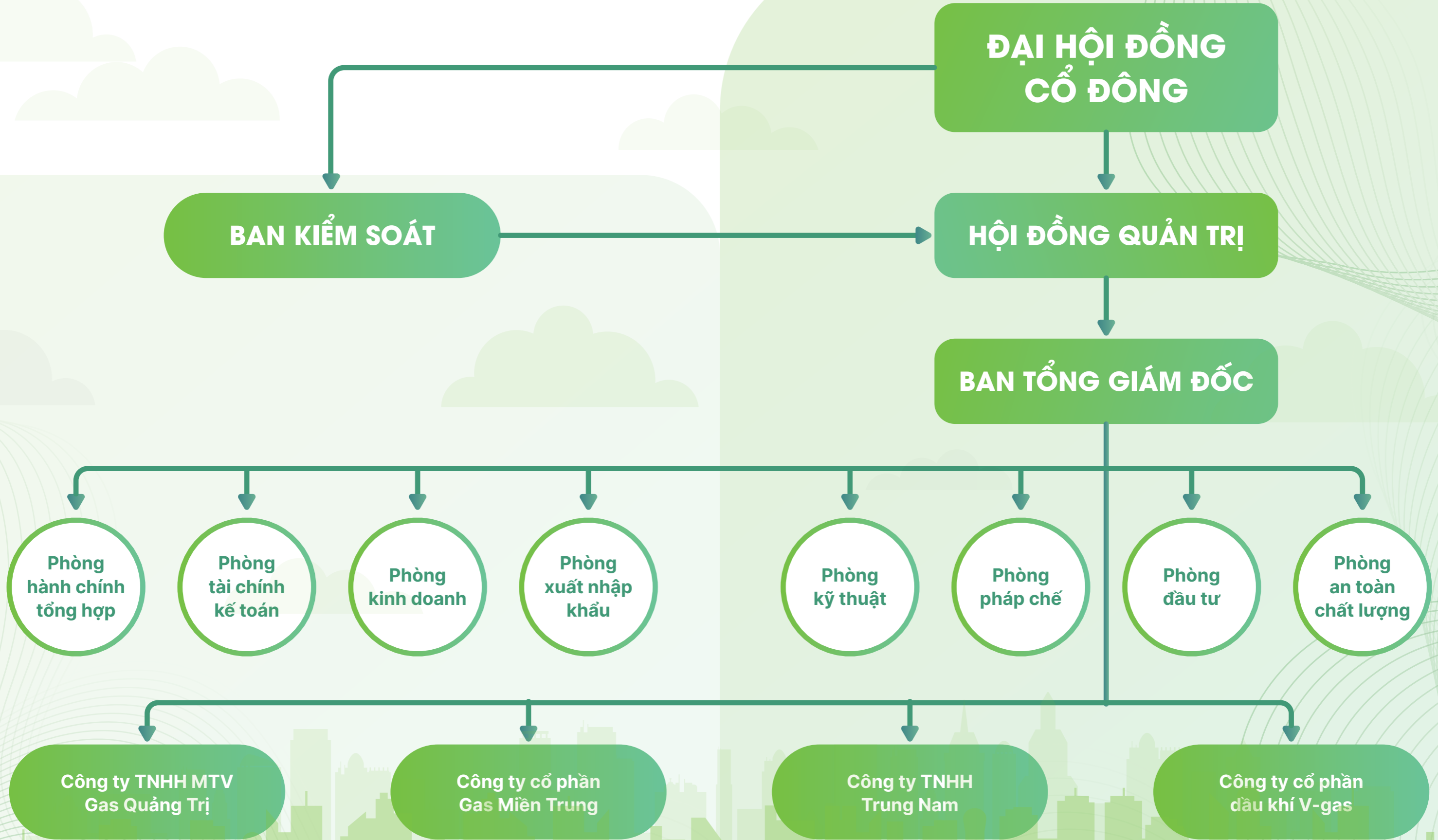


“ **BAN LÃNH ĐẠO PETRO MIỀN TRUNG TIẾP TỤC DUY TRÌ SỰ BỀN BỈ VÀ KIÊN TRÌ ĐƯƠNG ĐẦU VỚI KHÓ KHĂN ĐẾN TỪ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI ĐỂ TẠO HIỆU ỨNG ĐỘT PHÁ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG CÁC NĂM TỚI** ”

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÁC CÔNG TY CON



Công ty CP Dầu khí V-Gas

Địa chỉ

Số 1A/8, đường Châu Văn Long, Khu phố Long Điền,
Phường Long Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3603202837

Vốn điều lệ

225 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



Công ty CP Gas Miền Trung

Địa chỉ

Lô 6 KCN Điện nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc - TX
Điện Bàn, Quảng Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

4000354775

Vốn điều lệ

327 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



Công ty TNHH Trung Nam

Địa chỉ

8G Khu Phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12,
Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302137561

Vốn điều lệ

15 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

65%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

Địa chỉ

KCN Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông
Hà, Quảng Trị

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3200711969

Vốn điều lệ

10 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

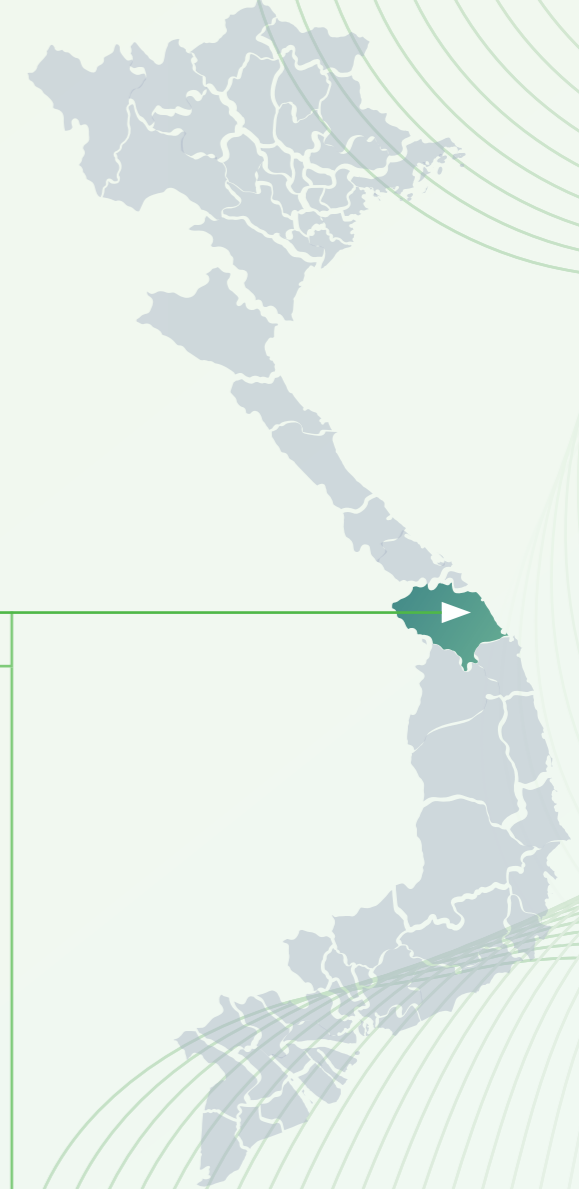
1. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



2. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



3. TỔNG KHO TỒN TRỮ, CẢNG XUẤT NHẬP KHẨU GAS CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

4. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI HUẾ



5. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG



6. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH



9. CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI



8. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI QUẢNG TRỊ



7. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU



CÁC TỔNG KHO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



10. NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KCN PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU



HỆ THỐNG CẦU CẢNG

Petro Miền Trung đã sở hữu và vận hành 02 cầu cảng lớn tại **Cảng Chu Lai – Quảng Nam** và **Cảng Biên Hòa – Đồng Nai** gắn liền với các tổng kho có thể đón tàu tải trọng từ **5.000 tấn đến 20.000 tấn**, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyên chở các tàu vận tải cỡ lớn, góp phần giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành nguyên liệu đầu vào.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

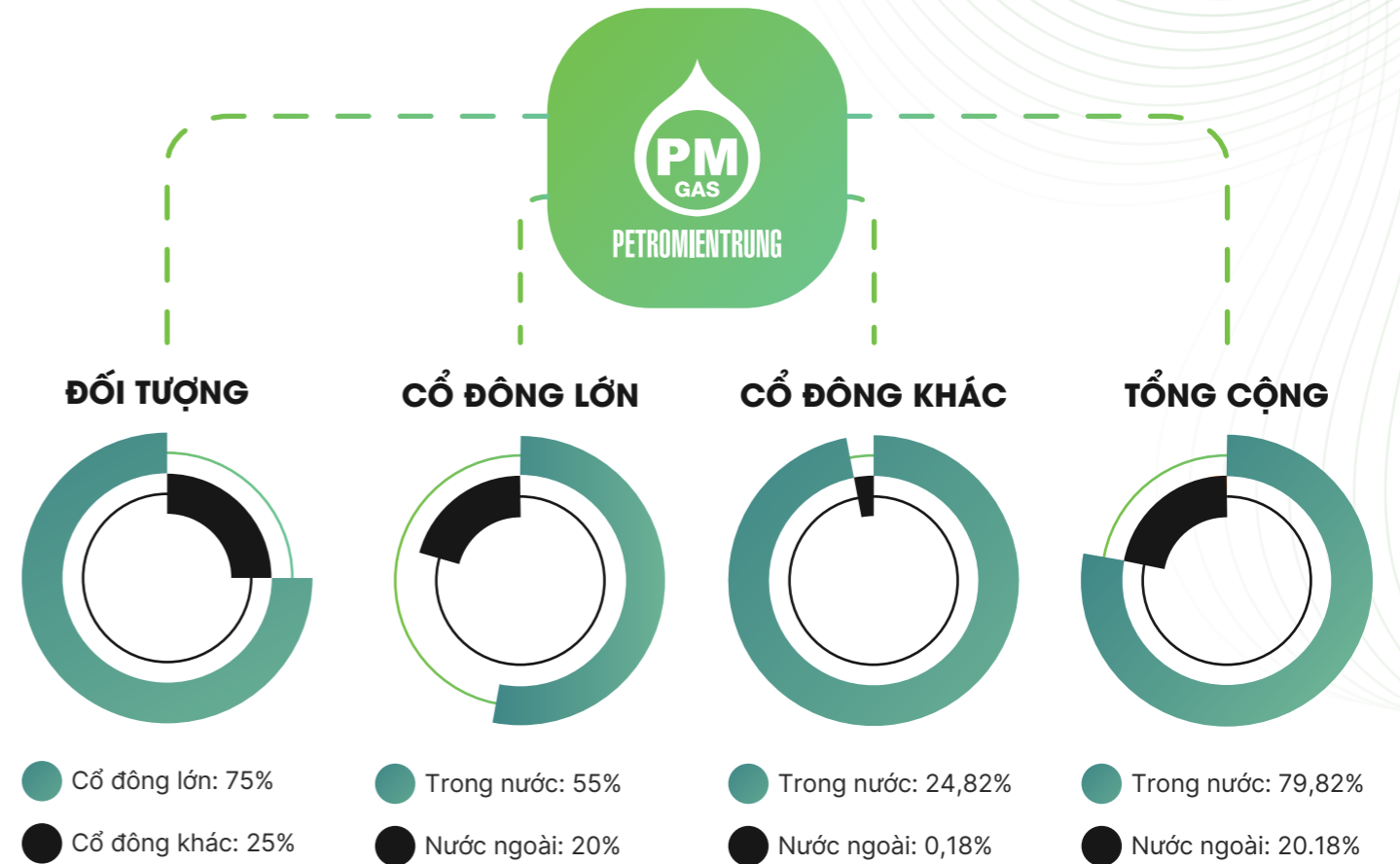
Tổng số lượng cổ phần:	:	46.336.278 cổ phần
Trong đó		
Số lượng cổ phần phổ thông	:	46.336.278 cổ phần
Số lượng cổ phần ưu đãi	:	0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 22/03/2024 ĐỂ HỌP ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2024

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ đông lớn	34.752.544	75,00	3	1	2
Trong nước	25.485.474	55,00	2	0	2
Nước ngoài	9.267.070	20,00	1	1	0
Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Cổ đông khác	11.583.734	25,00	586	13	573
Trong nước	11.499.970	24.82%	572	7	565
Nước ngoài	83.764	0,18%	14	6	8
TỔNG CỘNG	46.336.278	100,00	589	14	575
Trong nước	36.985.444	79,82%	574	7	567
Nước ngoài	9.350.834	20.18%	15	7	8

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 22/03/2024



CÔNG TY KHÔNG THỰC HIỆN TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:
KHÔNG CÓ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN:

Cổ đông lớn	Số lượng CP trước giao dịch	Loại giao dịch	Số lượng giao dịch	Ngày giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Tỷ lệ sở hữu sau giao dịch
Nguyễn Thị Bích Thùy	6.950.542	Mua	2.317.000	21/08/2023	9.267.542	20%
Lemon Gas Co., Ltd	11.584.070	Bán	2.317.000	21/08/2023	9.267.070	20%

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện đúng các chuẩn mực QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác Quan hệ Nhà đầu tư, đặc biệt là hoạt động công bố thông tin ra thị trường.

Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động. Công ty cũng đã thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ và kịp thời trên website, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trên website của Công ty.



Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh Đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Công ty luôn tiếp thu và phản hồi các câu hỏi, ý kiến góp ý của cổ đông qua các kênh truyền thông như điện thoại, email, website...

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Petro Miền Trung.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

3.097.631.000

Đồng



GIỚI THIỆU

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN TIẾN LÃNG

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: **1968**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Năm sinh: **1977**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

9.267.542 cổ phần, chiếm **20%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

9.267.542 cổ phần, chiếm **20%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG LÊ TẤN CẢN

Chức vụ: **Thành viên độc lập HĐQT**

Năm sinh: **1956**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Kỹ thuật công nghệ

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG TOSHIO TATSUNO

Chức vụ: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh: **1954**

Quốc tịch: **Nhật Bản**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Giáo dục học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT CTCP Lemon Gas

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **9.267.542** cổ phần, chiếm **20%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **9.267.542** cổ phần, chiếm **20%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ VÕ THỊ ÁNH NGUYỆT

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **140.415** cổ phần, chiếm **0.3%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **140.415** cổ phần, chiếm **0.3%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

ÔNG TOSHIO TATSUNO

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1954

Quốc tịch: Nhật Bản



Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Giáo dục học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Lemon Gas

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

ÔNG NGUYỄN VĂN TRUNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Quản lý nguồn nhân lực

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm PTGD CTCP Gas Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **168** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **168** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ LÊ THỊ HỒNG TRANG

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ TRẦN THỊ QUYÊN

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÀ NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ

KINH TẾ THẾ GIỚI: NHIỀU BIẾN ĐỘNG VÀ RỦI RO CHÍNH SÁCH

Kinh tế thế giới năm 2023 gặp nhiều khó khăn khi phải đối mặt với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao. Cùng với đó là những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan.

Theo tính toán của một số tổ chức thì mức tăng trưởng chung của kinh tế thế giới sẽ chỉ đạt khoảng từ 2,5% GDP (theo Fitch Ratings) đến 3% GDP (theo IMF và OECD) do tác động chậm và liên tục của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm chế lạm phát cao, các hệ quả để lại từ xung đột địa chính trị.



Về khu vực Đông Nam Á

“Đông Nam Á sẽ vẫn là một trong những khu vực năng động nhất trên thế giới” - WorldBox nhận định. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới, IMF có dự báo khả quan về tăng trưởng của các khối nước ASEAN, cụ thể: Philippines sẽ tăng trưởng 5,9%, Indonesia 5%, Việt Nam 4,7%, Malaysia 4% và Thái Lan tăng trưởng 2,7% trong năm 2024. Với mức tăng trưởng GDP dự kiến là 5% vào năm 2024, Đông Nam Á sẽ trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài.

Ngân hàng thế giới (01/2024) cũng dự báo rằng tăng trưởng kinh tế 2024 sẽ chậm lại ở mức 2.4%, hạ dự báo kinh tế năm 2025 còn 2.7% (giảm 0.3% so với dự báo tháng 6/2023). Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF, 01/2024) có dự báo khả quan hơn với mức 3.1% vào 2024 và 3.2% vào 2025, nhờ khả năng phục hồi cao hơn kỳ vọng ở Mỹ và một số thị trường lớn mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, cũng như hỗ trợ tài chính của chính phủ Trung Quốc



KINH TẾ VIỆT NAM: ĐIỂM SÁNG CỦA NỀN KINH TẾ CHUNG VÀ KHÔNG NGỪNG NÂNG TẦM VỊ THẾ QUỐC TẾ

Với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2022, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế lớn thứ tư của ASEAN và thứ 40 của thế giới, năng động và có độ mở cao, với quy mô thương mại quốc tế nằm trong TOP20 của thế giới, xếp thứ 30 trong bảng xếp hạng các quốc gia hùng mạnh nhất thế giới.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP năm 2023 của cả nước ước đạt trên 5%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2023. Để đạt được thành tích này là sự nỗ lực không ngừng của Chính phủ trong nỗ lực bình ổn lạm phát, đảm bảo hoạt động mua sắm hàng hóa duy trì ở mức tăng khá, và hoạt động nổi bật của năm 2023 phải kể đến hoạt động ngoại giao. Một loạt các cuộc gặp ngoại giao đã được Việt Nam thực hiện nhằm mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, như sự kiện Việt Nam và Israel đã ký Hiệp định Thương mại tự do (FTA); Việt Nam và 13 đối tác trong khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì Thịnh vượng (IPEF) cũng đã công bố kết thúc đàm phán về Thỏa thuận chuỗi cung ứng IPEF quốc tế đầu tiên giữa các thành viên,....

Với sự nỗ lực hồi phục nền kinh tế không ngừng nghỉ của chính phủ kể từ đại dịch Covid-19, đến năm 2023, Việt Nam đã trở thành một trong những nơi hút vốn đầu tư FDI. Tổng kết năm 2023, Việt Nam có 379 dự án mới có vốn đăng ký cấp mới là 5.4 tỷ USD; cả nước có 3188 dự án FDI được cấp phép đầu tư mới, đa số tập trung vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ công nghệ cao.

THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC dự báo nhu cầu toàn cầu sẽ đạt 103 triệu thùng/ngày; tăng 2,25 triệu thùng/ngày vào năm 2024, so với mức tăng 2,44 triệu thùng/ngày của năm 2023, phần lớn tăng trưởng tiêu thụ toàn cầu dự kiến đến từ Ấn Độ, Trung Đông và Trung Quốc. Báo cáo của OPEC cũng cho biết thêm, dự kiến trong năm 2024, Trung Quốc sẽ tiếp tục cải thiện kinh tế và đạt mức tăng trưởng "vững bền", giúp thúc đẩy tiêu thụ dầu. Đồng thời, với sự tăng cao của lạm phát và lãi suất trong năm 2023 mà OPEC+ tiếp tục kéo dài chính sách cắt giảm hạn ngạch xuất khẩu cho đến năm 2024. Nguồn cung khan hiếm đã thúc đẩy giá dầu tăng. Vào hôm 10/8/2023, dầu thô Brent được giao dịch trên mức 88 USD/thùng – mức cao nhất kể từ tháng 1/2023.



Năm 2023, Việt Nam đã có 2 phát hiện dầu khí mới tại lô 16-2 và tại lô PM3-CAA; đưa vào hoàn thành và khai thác sớm 4 mỏ/công trình dầu khí. Sản lượng khai thác dầu đạt 10,41 triệu tấn, vượt 12,1% kế hoạch, riêng trong nước đạt 8,63 triệu tấn, giảm 3,9% so với năm 2022. PVN cho hay đây là mức suy giảm thấp nhất so với giai đoạn trước.

Tuy nhiên, chính sách được đưa ra, là cắt giảm hạn ngạch xuất khẩu đã gián tiếp thúc đẩy giá dầu tăng cao do cung khan hiếm. Ngoài ra, việc khai thác vượt kế hoạch sản lượng đề ra và mức suy giảm thấp nhất so với giai đoạn trước, là dấu hiệu đáng mừng cho chứng minh năng lực của doanh nghiệp trong nước.

Hiện nay, nguồn cung dầu mỏ trên thị trường toàn cầu có thể bị gián đoạn trong năm do ảnh hưởng của các cuộc xung đột chính trị và quyết định cắt giảm sản lượng từ OPEC. Đứng trước tình hình thực tế hiện nay, nguy cơ tiềm ẩn rủi ro khó lường là vẫn rất cao. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu dầu mỏ trên toàn cầu sẽ giảm trong năm 2024, chủ yếu do những quy định ngày càng nghiêm ngặt về vấn đề sử dụng nhiên liệu hóa thạch, cũng như sự gia tăng sử dụng các phương tiện chạy bằng điện. Dự báo này hoàn toàn trái ngược với OPEC với quan điểm nhu cầu dầu mỏ toàn cầu sẽ tăng ở mức 2,2 triệu thùng/ngày trong năm 2024

Những thách thức và cơ hội nói trên đã đang và sẽ là động lực để doanh nghiệp quan tâm nghiên cứu và tập trung phát triển thị trường khí thiên nhiên.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025



TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung bền vững, trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần khí hóa lỏng trên thị trường.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.

Phát triển Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng.

Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của khí hóa lỏng.

1

BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG KHÍ HOÁ LỎNG TOÀN QUỐC

Chiến lược chung là tiếp tục phát triển khí hóa lỏng đến năm 2022, sau đó duy trì giữ ổn định khách hàng khí hóa lỏng, từ 2023 triển khai phát triển khách hàng sử dụng khí hóa lỏng (hoặc triển khai sớm hơn tùy theo tiến độ nhập khẩu khí hóa lỏng) để nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần.

Hiện Petro Miền Trung đang kinh doanh khí hoá lỏng tập trung tại miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Dự kiến từ năm 2022 theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, Petro Miền Trung sẽ mở rộng thị trường và sản lượng tiêu thụ khí hóa lỏng trên cả nước.

Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán khí hóa lỏng tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/ Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với Petro Miền Trung.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng khí hóa lỏng, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự,...
- Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

2

NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA KHÍ HOÁ LỎNG

Để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- Nâng cao công suất nhà máy, phát triển thị trường khí hóa lỏng miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.
- Xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

1. Bao phủ thị trường khí hóa lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng.
2. Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hóa lỏng.
3. Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
4. Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hóa lỏng.
5. Xây dựng thương hiệu Petro Miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.
6. Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.

3&4

HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH, TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI KHÍ HOÁ LỎNG

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp khí hóa lỏng để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy khí hóa lỏng hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

5

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU PETRO MIỀN TRUNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng và phát triển thương hiệu Petro Miền Trung trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa Petro Miền Trung ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

6

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

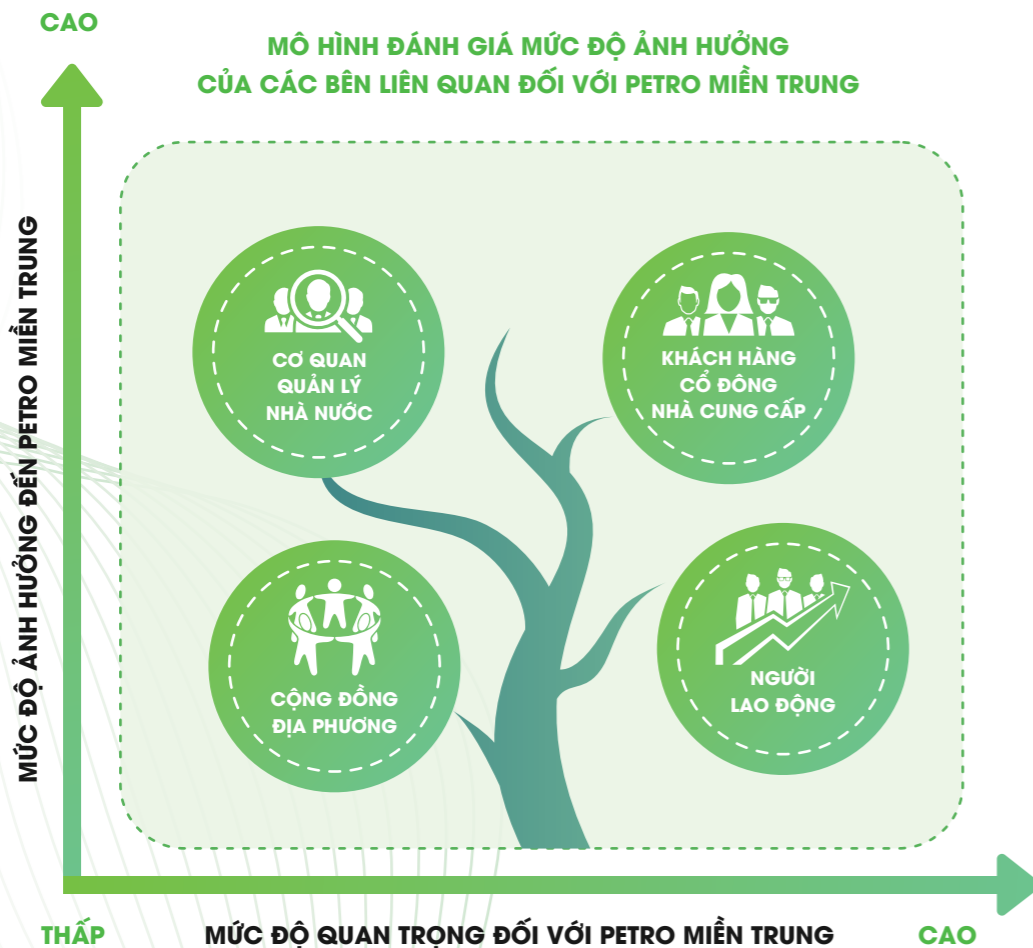
Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (1)

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ KHÍ HOÁ LỎNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, PETRO MIỀN TRUNG LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, Petro Miền Trung đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Petro Miền Trung xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương, dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.



KỖ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, Petro Miền Trung có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỖ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
KHÁCH HÀNG	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bản khí và chăm sóc khách hàng”.	Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.	An toàn trong vận hành và vận chuyển khí hoá lỏng, môi trường.		Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT
CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ	Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.	Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.		Cộng đồng - Xã hội
	Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.			Trách nhiệm với môi trường
	Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.			Quản trị rủi ro
	Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.			
	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Viếng thăm Công ty, nhà máy.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.	(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Báo cáo của Ban Giám đốc	
Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.			Phân tích tài chính	
Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.				
Tiếp nhận phản hồi qua website.				
Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.				
Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.				
Công bố thông tin theo quy định.				

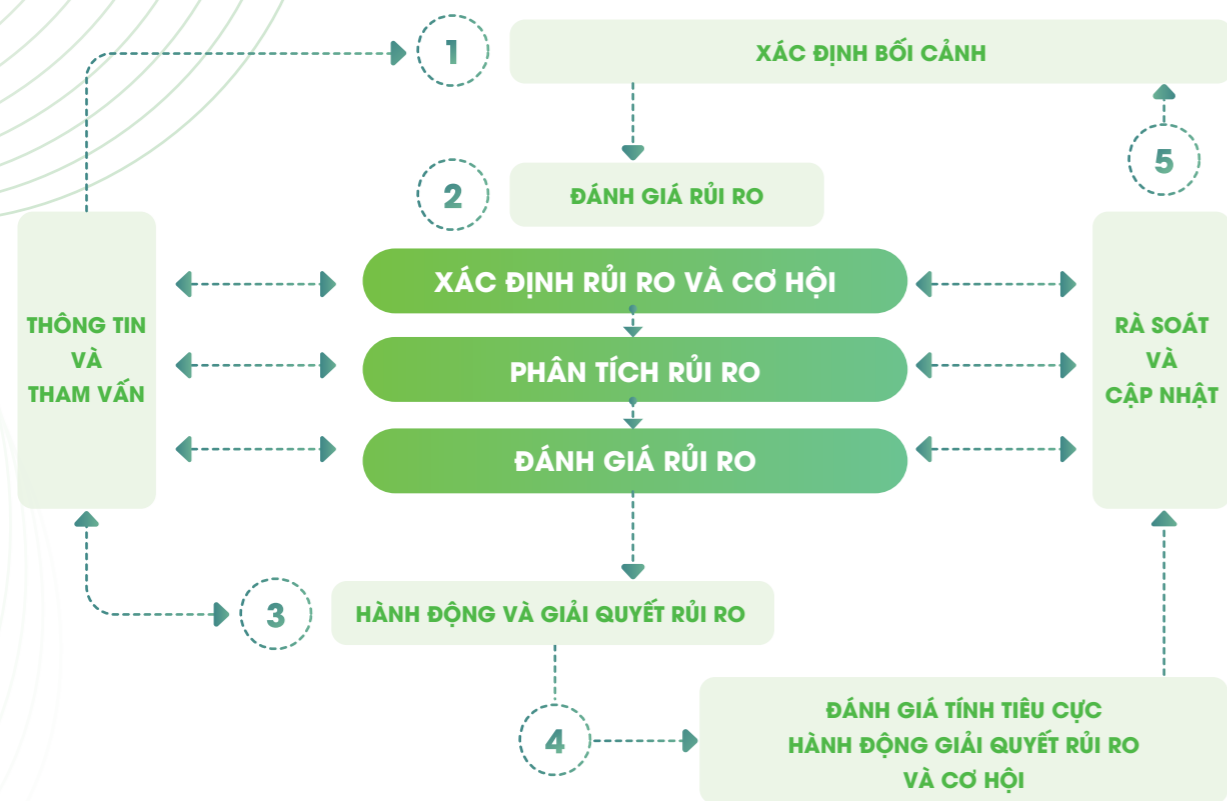
GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (2)

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
NHÀ CUNG CẤP	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.</p> <p>(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hoá lỏng.</p> <p>(3)&(4) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành/Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hoá lỏng.</p>	<p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p> <p>Quản trị rủi ro</p>
	<p>Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>"Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc" theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p>	<p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p>	<p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Nguồn nhân lực</p> <p>Cộng đồng - Xã hội</p> <p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p>

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>
	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (1)

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



01 XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC / HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...

Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức

Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

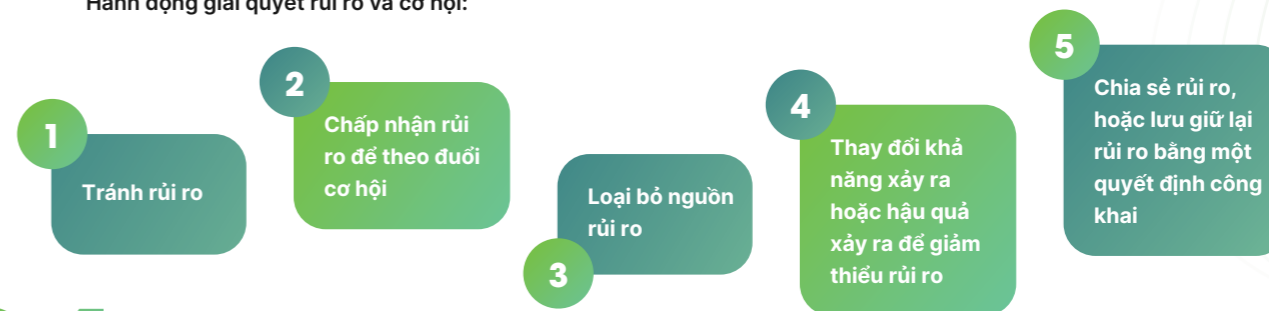
02 ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

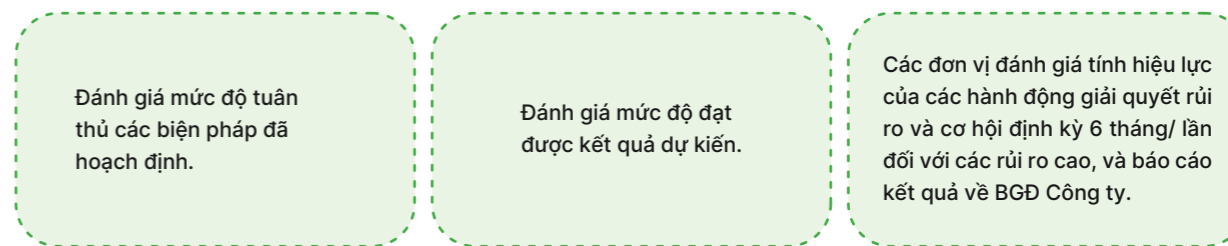
03 HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.

Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:



04 ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI



05 RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT




- Theo dõi, rà soát, và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

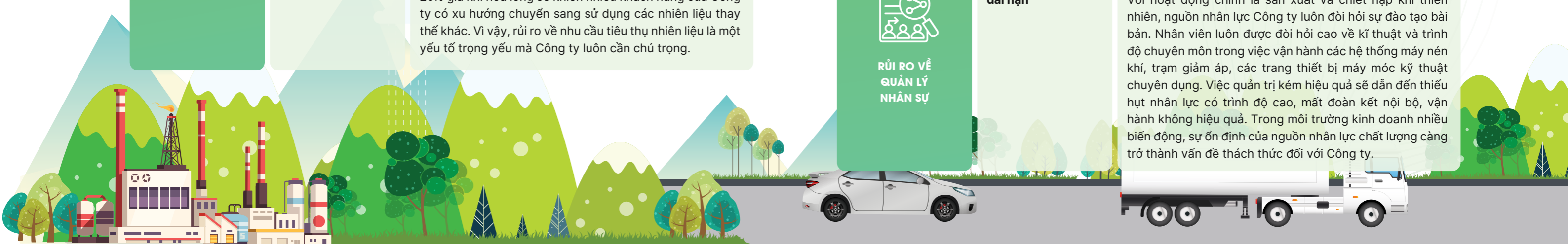
QUẢN TRỊ RỦI RO (2)

PHÂN LOẠI RỦI RO

RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO</p>	<p>Hiệu quả kinh doanh</p> <p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p>	<p>Petro Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí hoá lỏng. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.</p> <p>Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
 <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p>	<p>Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro</p> <p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p>	<p>Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.</p>
 <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p> <p>Hiệu quả kinh doanh</p>	<p>Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm khí hoá lỏng sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.</p> <p>Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá khí hoá lỏng sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.</p>

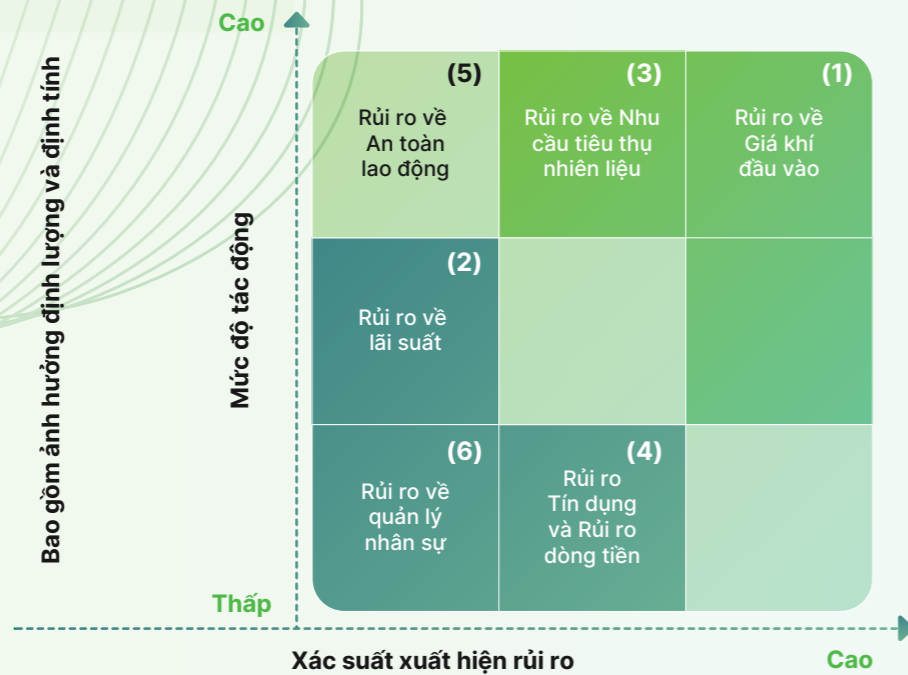


RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 <p>RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p>	<p>Hiệu quả kinh doanh</p>	<p>Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.</p> <p>Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.</p>
 <p>RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Danh tiếng của Công ty</p>	<p>Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của khí hoá lỏng luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.</p> <p>Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.</p>
 <p>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p>	<p>Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.</p> <p>Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giám áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.</p>



QUẢN TRỊ RỦI RO (3)

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PETRO MIỀN TRUNG



QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

HĐQT chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý công ty, gắn liền quản trị rủi ro với chiến lược phát triển. Ngoài ra, HĐQT còn chịu trách nhiệm thiết lập các nguyên tắc, khung quản trị rủi ro, và chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro cũng như quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Để bảo đảm tính hiệu quả của khung quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng có liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả trong công ty bao gồm các bộ phận giám sát và bảo đảm. Mô hình “**Ba tuyến phòng vệ**” là phương thức để giải thích mối quan hệ giữa những bộ phận này cũng như để chỉ dẫn cách thức phân chia trách nhiệm:

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT

Các phòng ban thực hiện quản trị đối với các rủi ro liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của mình. Định kỳ đánh giá và báo cáo với BGD về hoạt động quản trị rủi ro

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI

BGD có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro. Đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ tiêu chuẩn liên quan, tạo lợi ích cho cổ đông và công ty.

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA

Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành, nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót; từ đó góp ý về việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO



RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO

Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá đầu vào tốt hơn.

Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.

Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.

Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.

Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.



RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.

Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.

Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.



RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.

Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.

Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, Petro Miền Trung luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.

Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.

Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.

Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả.

QUẢN TRỊ RỦI RO (4)

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lòng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.

Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.

Petro Miền Trung hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.

Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.

Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.

Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.

Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

NGUỒN NHÂN LỰC

NGƯỜI LAO ĐỘNG

LÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP TẠO RA
GIÁ TRỊ CHO CÔNG TY,
VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG
BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG

**CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA PETRO MIỀN TRUNG**

SỐ LƯỢNG
CBCNV NĂM 2023

398
NGƯỜI

VIỆC LÀM

Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí thì lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, Petro Miền Trung đã nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong công ty. Trong năm 2023, tổng số lao động nữ là 62 người, chiếm 16% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong ban lãnh đạo là 5%.

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH
CỦA CBCNV
NĂM 2023

13
TRIỆU ĐỒNG

Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, Petro Miền Trung cũng nỗ lực trong việc

xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như phát triển trong tương lai của công ty.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động chiếm 69%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 17%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 14%.



ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo Công ty luôn tự thấy trách nhiệm của Công ty, của cá nhân mỗi cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của cộng đồng. Ngoài việc đóng góp cho ngân sách địa phương, Ban lãnh đạo thường xuyên hưởng ứng các chương trình do chính quyền các cấp phát động, và khuyến khích sự tham gia của toàn thể CBCNV.

Trong năm, Petro Miền Trung cùng với toàn thể CBCNV trong toàn hệ thống đã tham gia quyên góp và ủng hộ Quỹ hỗ trợ mồ tím tỉnh trẻ em với số tiền hơn 250 triệu đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (1)



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, HĐQT đã họp các phiên cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Số buổi họp HĐQT tham dự
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
01	Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	10/06/2022	-	04/04
02	Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	10/06/2022	-	04/04
03	Ông Lê Tấn Cần	Thành viên	10/06/2022	-	04/04
04	Ông TOSHIO TATSUNO	Thành viên	12/10/2022	-	04/04

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2023

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và triển khai các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng ban nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- **Giám sát tình hình tài chính:** Xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính kết hợp trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phát hành báo cáo ra công chúng.
- **Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh:** Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong các quy trình sản xuất kinh doanh chính.
- **Giám sát việc triển khai quản trị rủi ro:**
Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc và ban điều hành thông qua: chiến lược, chính sách, quy trình, các ưu tiên, kết quả thực hiện mục tiêu, quản lý rủi ro.

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (2)

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	SỐ NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/03/2023/NQ-HĐQT	06/03/2023	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
02	01/05/2023/NQ-HĐQT	09/05/2023	Nghị quyết HĐQT về việc Giao dịch với người có liên quan	100%
03	01/06/2023/NQ-HĐQT	13/06/2023	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
04	01/10/2023/NQ-HĐQT	09/10/2023	Nghị quyết HĐQT về việc họp định kỳ quý IV/2023	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí khi giá nguyên liệu đầu vào không ổn định và sự biến đổi khí hậu.



Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp HĐQT tham dự
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng Ban Kiểm Soát	10/06/2022	02/02
02	Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	10/06/2022	02/02
03	Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	10/06/2022	02/02

1.

Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2023 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHCĐ và tuân thủ Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực về Quản trị Tập đoàn.

2.

Tất cả thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm sâu sắc, tinh chuyên nghiệp cao. Do đó, trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của Tập đoàn rất rõ ràng và việc thực hiện vai trò của mỗi thành viên đều cần trọng.

3.

HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban Tổng giám đốc vượt qua một số thách thức trong quá trình điều hành Tập đoàn, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật mà Tập đoàn tuyệt đối tôn trọng.

4.

HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Tập đoàn hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của năm, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.

5.

HĐQT đã tham gia cùng Ban Tổng giám đốc triển khai các hoạt động nhằm bồi đắp văn hóa của doanh nghiệp. Thông qua các phương pháp sáng tạo, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò đồng hành xây dựng các giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong chiến lược 2022 - 2027.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (1)

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



**GIÁ DẦU ĐẠT
QUA NGƯỠNG
84,1 USD/THÙNG**

Giá dầu trong năm 2023 đã chứng kiến đà tăng tiếp tục mạnh mẽ đạt quanh ngưỡng 84,1 USD/thùng và thậm chí có thể đạt mức 94 USD/thùng vào năm 2024. Điều này bắt nguồn chủ yếu từ việc cắt giảm sản lượng của OPEC+; vấn đề Nga – Ukraine vẫn tiếp diễn làm hạn chế nguồn cung từ Nga.

Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tối đa, dù chưa hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 những kết quả thực hiện vẫn là kết quả đáng ghi nhận.

Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được triển khai.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh xã hội xảy ra nhiều sự cố cháy nổ đáng tiếc, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Công an, cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.

Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh xã hội xảy ra nhiều sự cố cháy nổ đáng tiếc, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Công an, cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.



Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ dầu khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (2)

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục ghi nhận việc không có lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu suất hoạt động kinh doanh đã cải thiện mức lỗ lợi nhuận năm 2023 so với 2022 cho thấy hiệu quả điều hành

Ban điều hành đã tiếp tục bám sát kế hoạch tái cấu trúc toàn diện, triển khai các chính sách linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường và ghi nhận những chuyển biến rõ rệt. Thị phần của Công ty được mở rộng là yếu tố góp phần tăng trưởng doanh thu lên 12% svck

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023
Tổng giá trị tài sản	1.625.178.911.909	1.777.820.279.982
Doanh thu thuần	2.021.513.876.742	1.832.244.530.402
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(17.548.440.649)	(26.387.510.311)
Lợi nhuận khác	15.813.786.058	13.456.221.032
Lợi nhuận trước thuế	(1.734.654.591)	(12.931.289.279)
Lợi nhuận sau thuế	(13.322.829.812)	(24.039.200.103)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đánh giá tổng quan cho thấy

Khả năng thanh toán của Công ty đã được nâng cao so với năm 2022 nhờ sự hiệu quả bước đầu của các chiến lược, chính sách và sự lãnh đạo của Ban Điều hành

Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 23.35 lần lên 24.21 lần cho thấy xu hướng tăng trưởng của hoạt động kinh doanh, các chính sách quảng cáo và tiếp thị cũng như việc tái cấu trúc dòng sản phẩm đã đem lại hiệu quả rõ rệt; giúp Công ty hạn chế được lượng hàng tồn đọng trong kho.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2022	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,66	0,71
Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,49	0,64
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,59	0,64
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,46	1,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	23,35	24,21
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,24	1,03
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,66	-1,31
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	-2,03	-3,7
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	-0,8	-1,4
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	-0,87	-1,44

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (3)

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2022	2023
Tài sản ngắn hạn	547.672.006.843	750.064.226.895
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.854.376.536	76.558.271.807
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	156.600.000.000	281.001.162.740
Các khoản phải thu ngắn hạn	164.595.169.630	319.866.517.869
Hàng tồn kho	97.768.027.619	32.900.966.655
Tài sản ngắn hạn khác	47.854.433.058	39.737.307.824
Tài sản dài hạn	1.077.506.905.066	1.027.756.053.087
Tài sản cố định	502.833.719.861	471.654.098.786
Bất động sản đầu tư	94.180.895.062	94.132.132.810
Tài sản dài hạn khác	453.470.715.803	437.197.889.158
Tổng cộng tài sản	1.625.178.911.909	1.777.820.279.982

Tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ so với năm 2022. Hàng tồn kho giảm mạnh cho thấy chính sách bán hàng và việc cải thiện quy trình quản lý đã có hiệu quả. Chính sách bán hàng và tăng cường hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty đã có những kết quả tích cực khi các khoản phải thu ngắn hạn đã tăng khoảng 155 tỷ đồng so với năm trước.

Cơ cấu tài sản dài hạn giữ ổn định. Trong kỳ, Công ty không thực hiện động đầu tư dự án lớn.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả được quản lý tốt, không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá của ngân hàng (hợp đồng hoán đổi lãi suất, SWAP...) để đảm bảo sự biến động của tỷ giá luôn được kiểm soát.

Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	2022	2023
Nợ phải trả	963.810.644.209	1.140.491.212.385
Nợ ngắn hạn	827.851.375.741	1.055.267.222.259
Nợ dài hạn	135.959.268.468	85.223.990.126
Vốn chủ sở hữu	661.368.267.700	637.329.067.597
Tổng cộng tài sản	1.625.178.911.909	1.777.820.279.982

Cơ cấu nợ đang có xu hướng tăng. Điều này được thể hiện qua việc tổng nợ phải trả năm 2023 tăng hơn 153 tỷ đồng so với năm 2022, do trong năm Công ty đã thực hiện việc vay vốn để mở rộng thị trường. Tuy nhiên, Công ty cũng đã cố gắng trong việc trả nợ dài hạn và đây là một trong những điểm tốt giúp công ty thực hiện vay vốn thành công tại các ngân hàng.

Công ty luôn lựa chọn các tổ chức tín dụng uy tín, là đối tác lâu năm của Petro Miền Trung để đảm bảo được hưởng mức lãi suất cạnh tranh nhất trên thị trường. Nhờ đó, mức lãi suất của các khoản vay nợ luôn được giữ ổn định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ngoài các công tác điều hành bình thường, để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

- 1** Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.
- 2** Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.
- 3** Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.
- 4** Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

4. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2024

Đơn vị tính : tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023
1. Doanh thu thuần hợp nhất	2.200	1.832
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	15	-12.93
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	12	-24.04

KHKD 2024 của Công ty hiện tại dựa trên kịch bản tình hình địa chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Nền lãi suất vẫn ở mức khi các ngân hàng trung ương trên thế giới chưa có dấu hiệu giảm lãi suất điều hành. Khó khăn là vẫn hiện hữu đối với doanh nghiệp trong năm nay. Đặc biệt là đối với ngành dầu khí, giá dầu đầu vào đang chứng kiến sự tăng trưởng nhanh trong những tháng đầu năm nay. Chính vì vậy, đây là kế hoạch thận trọng mà Ban điều hành đặt ra.

Với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Lemon Gas Co., Ltd cùng nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty và sự đồng hành của các đối tác chiến lược, Ban điều hành tin tưởng sẽ hoàn thành và có thể hoàn thành vượt mức KHKD đã đặt ra cho năm 2024.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

RIÊNG LẺ VÀ

HỢP NHẤT



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2023: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 30 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Lăng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Lê Tấn Cần | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Toshio Tatsunio | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/10/2022 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Bích | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Lê Thị Hồng Trang | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Trần Thị Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/10/2020 |
| • Ông Toshio Tatsunio | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13/10/2022 |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2022 |
| • Bà Võ Thị Ánh Nguyệt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Linh Thương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@ang.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

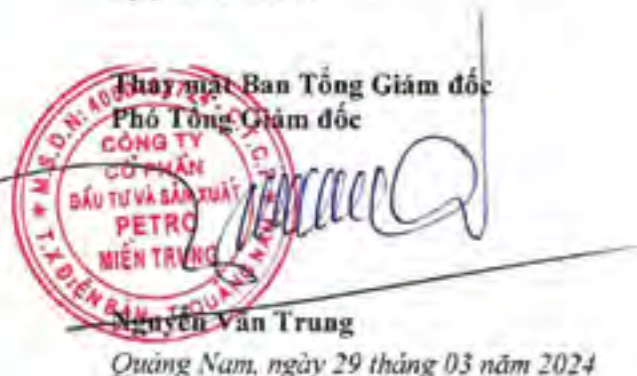
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bích Thúy là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính này theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2023.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO
MIỀN TRUNG
Nguyễn Văn Trung
Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@trng.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 605/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2023 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		564.834.772.450	487.295.459.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.643.635.061	33.849.245.291
1. Tiền	111	6	25.643.635.061	33.849.245.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.001.162.740	156.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	241.001.162.740	156.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.783.887.225	262.036.964.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	282.393.476.369	300.447.469.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	147.140.209	914.638.209
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	61.981.842.565	9.413.428.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
IV. Hàng tồn kho	140	12	903.786.553	32.896.896.858
1. Hàng tồn kho	141		903.786.553	32.896.896.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.502.300.871	1.912.352.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	841.254.035	389.649.757
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		590.962.837	1.452.619.122
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	70.083.999	70.083.999
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		599.991.265.755	629.414.852.241
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.649.059.192	3.290.759.192
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	2.649.059.192	3.290.759.192
II. Tài sản cố định	220		21.315.936.442	22.354.919.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	21.315.936.442	22.354.919.636
- Nguyên giá	222		44.397.411.747	42.903.785.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.081.475.305)	(20.548.865.748)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	15	94.132.132.810	94.180.895.062
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.049.008)	(146.286.756)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	120.006.507
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	120.006.507
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		452.384.723.487	479.534.248.397
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	507.055.979.612	507.055.979.612
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(54.671.256.125)	(27.521.731.215)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.509.413.824	29.934.023.447
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	1.553.745.074	1.978.354.697
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	27.955.668.750	27.955.668.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.164.826.038.205	1.116.710.311.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		568.892.651.356	529.107.835.347
I. Nợ ngắn hạn	310		547.670.236.434	499.973.958.860
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	383.023.475.289	320.514.642.519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	694.605.424	694.605.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	11.299.942.832	12.011.378.392
4. Phải trả người lao động	314		456.060.587	450.174.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		30.538.027	64.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	109.493.324.275	1.495.630.120
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	42.530.000.000	164.515.737.505
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		142.290.000	227.790.000
II. Nợ dài hạn	330		21.222.414.922	29.133.876.487
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	21.222.414.922	29.133.876.487
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		595.933.386.849	587.602.476.024
I. Vốn chủ sở hữu	410		595.933.386.849	587.602.476.024
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	132.570.606.849	124.239.696.024
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		124.239.696.024	106.135.672.051
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.330.910.825	18.104.023.973
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.164.826.038.205	1.116.710.311.371

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Văn Trung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 – DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT – BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	1.540.860.489.935	1.785.144.248.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.540.860.489.935	1.785.144.248.137
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.505.521.346.245	1.756.259.207.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		35.339.143.690	28.885.040.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	28.700.774.834	31.295.034.961
7. Chi phí tài chính	22	28	37.982.208.842	31.807.913.491
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.739.125.023	6.391.497.815
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	11.317.702.422	4.860.399.944
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	8.624.349.017	7.491.787.544
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.115.658.243	16.019.974.866
11. Thu nhập khác	31	30	7.295.095.289	7.270.726.592
12. Chi phí khác	32	31	2.188.634.001	319.479.193
13. Lợi nhuận khác	40		5.106.461.288	6.951.247.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.222.119.531	22.971.222.265
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.891.208.706	4.867.198.292
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.330.910.825	18.104.023.973

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Văn Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.222.119.531	22.971.222.265
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	2.581.371.809	2.510.761.466
- Các khoản dự phòng	03		27.149.524.910	18.607.316.221
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(14.429.597.959)	(12.073.196.877)
- Chi phí lãi vay	06	26	7.739.125.025	6.391.497.815
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		34.262.543.316	38.407.600.890
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(36.904.348.109)	(8.506.136.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.993.110.305	(31.743.124.564)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		164.277.047.993	26.786.550.950
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		93.011.852	(457.899.797)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.184.129.918)	(5.915.954.895)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(4.867.198.292)	(1.767.896.154)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(85.500.000)	(76.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		180.584.537.147	16.726.880.076
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14	(1.493.626.363)	(322.449.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(241.001.162.740)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		156.600.000.000	43.400.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	19.090.379.231	8.747.240.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.804.409.872)	51.824.791.350
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	1.217.141.234.770	1.089.954.563.278
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(1.339.126.972.275)	(1.142.091.703.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121.985.737.505)	(52.137.140.440)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.205.610.230)	16.414.530.986
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	33.849.245.291	17.434.714.305
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	25.643.635.061	33.849.245.291

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Văn Trung



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và các Công ty con sau:

Các chi nhánh

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định

Thôn Hội Vân - Xã Cát Hiệp - Huyện Phù Cát - Tỉnh Bình Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các Công ty con

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	51,00%	Số 1A/8 Đường Châu Văn Long, KP Long Diêm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
2	Công ty TNHH Trung Nam	65,00%	Số 8G Khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
3	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	51,00%	Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
4	Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	51,00%	Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị là Công ty con, có 100% vốn góp là của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung.

2. Kỹ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỹ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2023 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	15

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Mặt hàng khí đốt hóa lỏng LPG thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT là 10%; các mặt hàng khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo kết quả giải quyết khiếu nại của Tổng Cục thuế tại Quyết định số 283/QĐ-TCT ngày 13/03/2024. Theo đó, tiền truy thu thuế TNDN và phạt thuế TNDN năm 2020 phải nộp bổ sung lần lượt là 5.924.825.000 đồng và 1.184.965.000 đồng. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 và 2022 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2020

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày		Chênh lệch
		Số liệu tại ngày 31/12/2020	31/12/2020 (Đã hồi tố)	
1. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	262	-	27.955.668.750	27.955.668.750
2. Thuế và các khoản p/nộp nhà nước	313	34.951.974.146	42.061.764.146	7.109.790.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	101.522.689.941	122.368.568.691	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(787.305.657)	(787.305.657)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	102.309.995.598	123.155.874.348	20.845.878.750

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2020		Chênh lệch
		Năm 2020	(Đã hồi tố)	
1. Chi phí khác	32	4.861.299.169	6.046.264.169	1.184.965.000
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	52.377.644.060	58.302.469.060	5.924.825.000
3. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	(27.955.668.750)	(27.955.668.750)
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	102.309.995.598	123.155.874.348	20.845.878.750

Báo cáo tài chính năm 2021

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày		Chênh lệch
		Số liệu tại ngày 31/12/2021	31/12/2021 (Đã hồi tố)	
1. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	262	-	27.955.668.750	27.955.668.750
2. Thuế và các khoản p/nộp nhà nước	313	1.795.144.362	8.904.934.362	7.109.790.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	85.289.793.301	106.135.672.051	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	101.522.689.941	122.368.568.691	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(16.232.896.640)	(16.232.896.640)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính năm 2022

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày		Chênh lệch
		Số liệu tại ngày 31/12/2022	31/12/2022 (Đã hồi tố)	
1. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	262	-	27.955.668.750	27.955.668.750
2. Thuế và các khoản p/nộp nhà nước	313	4.901.588.392	12.011.378.392	7.109.790.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	103.393.817.274	124.239.696.024	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	85.289.793.301	106.135.672.051	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18.104.023.973	18.104.023.973	-

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 thay đổi như sau: khoản mục "Chi phí khác", "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" tăng lên lần lượt là 1.184.965.000 đồng, 5.924.825.000 đồng tương ứng với tiền phạt thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu; Khoản mục "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" giảm đi 27.955.668.750 đồng do chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Theo đó, "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 tăng là 20.845.878.750 đồng. Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, chỉ tiêu "Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" tăng 27.955.668.750 đồng, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" tăng 7.109.790.000 đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" tăng 20.845.878.750 đồng.

Ảnh hưởng lũy kế của việc điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2020 làm Bảng Cân đối kế toán tại 31/12/2021 và 31/12/2022 có biến động như sau: khoản mục "Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" tăng 27.955.668.750 đồng, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" tăng 7.109.790.000 đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" tăng 20.845.878.750 đồng.

6. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	217.720.826	164.621.510
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.425.914.235	33.684.623.781
Cộng	25.643.635.061	33.849.245.291

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	241.001.162.740	241.001.162.740	156.600.000.000	156.600.000.000
Cộng	241.001.162.740	241.001.162.740	156.600.000.000	156.600.000.000

Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Gas Miền Trung	230.957.103.143	235.174.538.744
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	48.738.571.918
Các đối tượng khác	2.697.801.308	16.534.358.743
Cộng	282.393.476.369	300.447.469.405

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Gas Miền Trung	230.957.103.143	235.174.538.744
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	917.995.612	12.548.116.304
Công ty CP Gas Phúc Tín	-	2.202.610.939
Cộng	231.875.098.755	249.925.265.987

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Cho thuê thiết bị	10.835.209	260.835.209
Các đối tượng khác	136.305.000	653.803.000
Cộng	147.140.209	914.638.209

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế nhập khẩu tạm nộp	-	-	1.439.291.770	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ký quỹ mở LC)	58.670.000.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.287.842.565	-	7.948.623.837	-
Các khoản khác	24.000.000	-	25.512.800	-
Cộng	61.981.842.565	-	9.413.428.407	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.649.059.192	-	3.290.759.192	-
Cộng	2.649.059.192	-	3.290.759.192	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
Cộng	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	599.411.767	-	691.718.108	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	586.273.884	-
Hàng hóa	304.374.786	-	31.618.904.866	-
Cộng	903.786.553	-	32.896.896.858	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại 31/12/2023.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí bảo hiểm tài sản	21.236.504	14.000.002
Phí bảo lãnh	605.386.173	366.009.651
Phí Upas	124.508.122	-
Các khoản khác	90.123.236	9.640.104
Cộng	841.254.035	389.649.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp (*)	514.200.090	661.114.410
Phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp	283.566.906	364.586.022
Các khoản khác	755.978.078	952.654.265
Cộng	1.553.745.074	1.978.354.697

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc trong 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027, diện tích đất thuê: 11.556 m².

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.583.986.659	14.017.691.013	12.832.687.076	426.965.636	42.455.000	42.903.785.384
Mua sắm trong năm	-	-	1.493.626.363	-	-	1.493.626.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	15.583.986.659	14.017.691.013	14.326.313.439	426.965.636	42.455.000	44.397.411.747
Khấu hao						
Số đầu năm	6.505.426.614	11.720.405.604	2.019.504.247	261.546.024	41.983.259	20.548.865.748
Khấu hao trong năm	744.339.780	415.870.620	1.328.890.916	43.036.500	471.741	2.532.609.557
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	7.249.766.394	12.136.276.224	3.348.395.163	304.582.524	42.455.000	23.081.475.305
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.078.560.045	2.297.285.409	10.813.182.829	165.419.612	471.741	22.354.919.636
Số cuối năm	8.334.220.265	1.881.414.789	10.977.918.276	122.383.112	-	21.315.936.442

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 3.612.630.000 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 8.812.794.417 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà (*)	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	146.286.756	-	146.286.756
Khấu hao trong năm	48.762.252	-	48.762.252
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	195.049.008	-	195.049.008
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	828.958.284	93.351.936.778	94.180.895.062
Số cuối năm	780.196.032	93.351.936.778	94.132.132.810

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2023, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Đầu tư vào công ty con**

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2023		01/01/2023	
					Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	11.475.000	310.424.781.250	(4.201.372.354)	310.424.781.250	(5.293.806.413)
- Công ty TNHH Trung Nam	Đang hoạt động	65,00%	65,00%	-	9.750.000.000	(3.608.933.181)	9.750.000.000	(4.427.847.704)
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	16.690.909	186.881.198.362	(46.870.066.219)	186.881.198.362	(17.800.077.098)
Cộng					507.055.979.612	(54.680.371.754)	507.055.979.612	(27.521.731.215)

Tại thời điểm 31/12/2023, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, giá trị dự phòng các khoản đầu tư được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán của các Công ty con. Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	27.955.668.750	27.955.668.750
Cộng	27.955.668.750	27.955.668.750

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi nhánh Tổng công ty kinh doanh khí Việt Nam - Công ty CP Kinh doanh Sản Phẩm Khí	353.766.927.957	176.376.230.329
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam	16.522.817.642	25.572.384.750
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	12.003.465.707	-
Các đối tượng khác	730.263.983	118.566.027.440
Cộng	383.023.475.289	320.514.642.519

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	-	58.586.582.908
Công ty TNHH Trung Nam	160.000.000	100.000.000
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	14.126.700	-
Cộng	174.126.700	58.686.582.908

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Chiết xuất gas Phương Thiên Hưng	648.553.623	648.553.623
Các đối tượng khác	46.051.801	46.051.801
Cộng	694.605.424	694.605.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	16.020.814.719	16.020.814.719	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.792.023.292	2.891.208.706	4.867.198.292	-	8.816.033.706
Thuế thu nhập cá nhân	70.083.999	34.390.100	191.888.625	221.316.379	70.083.999	4.962.346
Thuế nhập khẩu	-	-	7.628.959.390	7.628.959.390	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	11.544.780	11.544.780	-	-
Các loại thuế khác	-	1.184.965.000	1.297.981.780	4.000.000	-	2.478.946.780
Cộng	70.083.999	12.011.378.392	28.042.398.000	28.753.833.560	70.083.999	11.299.942.832

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

21. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Phải trả LC Upas Ngân hàng đã thực hiện thanh toán)	108.290.000.000	-
Kinh phí công đoàn	3.352.000	-
Phải trả về thủ lao HDQT, BKS	1.197.600.000	1.017.600.000
Chi phí lãi vay phải trả	-	475.542.920
Phải trả khác	2.372.275	2.487.200
Cộng	109.493.324.275	1.495.630.120

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.222.414.922	29.133.876.487
Cộng	21.222.414.922	29.133.876.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	-	174.920.000.000	174.920.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	48.500.000.000	949.126.102.943	955.096.102.943	42.530.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Đà Nẵng	59.600.000.000	-	59.600.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	56.415.737.505	93.095.131.827	149.510.869.332	-
Cộng	164.515.737.505	1.217.141.234.770	1.339.126.972.275	42.530.000.000

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	463.362.780.000	106.135.672.051	569.498.452.051
Tăng trong năm	-	18.104.023.973	18.104.023.973
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	463.362.780.000	124.239.696.024	587.602.476.024
Số dư tại 01/01/2023	463.362.780.000	124.239.696.024	587.602.476.024
Tăng trong năm	-	8.330.910.825	8.330.910.825
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	463.362.780.000	132.570.606.849	595.933.386.849

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	124.239.696.024	106.135.672.051
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	8.330.910.825	18.104.023.973
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	132.570.606.849	124.239.696.024

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 22/04/2023 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

24. Tài sản ngoài bảng

	31/12/2023	01/01/2023
Vỏ bình ga các loại (cái)	25.713	25.713
- Vỏ bình 12 kg	25.317	25.317
- Vỏ bình 45 kg	396	396

Đây là vỏ bình của đối tác (là các Công ty kinh doanh ga) được Công ty nhận về phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh ga có đặc điểm là vỏ bình luôn được luân chuyển, xoay vòng giữa kho và các đại lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	1.528.690.426.929	1.772.945.591.177
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.170.063.006	12.198.656.960
Cộng	1.540.860.489.935	1.785.144.248.137

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.496.606.346.009	1.747.357.367.559
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.915.000.236	8.901.839.694
Cộng	1.505.521.346.245	1.756.259.207.253

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.429.597.959	12.073.196.877
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	804.198.859	3.471.011.429
Lãi bán hàng trả chậm phải thu	13.451.828.016	15.750.826.655
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.150.000	-
Cộng	28.700.774.834	31.295.034.961

28. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	7.739.125.025	6.391.497.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	146.413.020	2.305.580.732
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	27.149.524.910	18.607.316.221
Lãi chậm thanh toán	2.947.145.887	4.393.993.723
Chi phí tài chính khác	-	109.525.000
Cộng	37.982.208.842	31.807.913.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.884.840	499.884.852
Chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ	109.093.852	84.833.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.993.709.442	301.432.396
Phí bảo lãnh, phí Upus, ngân hàng	4.697.906.924	3.952.358.912
Các khoản khác	17.107.364	21.890.000
Cộng	11.317.702.422	4.860.399.944

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí tiền lương nhân viên quản lý	3.745.010.739	2.852.351.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.753.033.350	1.651.138.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821.589.493	1.162.283.158
Các khoản khác	2.304.715.435	1.826.014.672
Cộng	8.624.349.017	7.491.787.544

30. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	7.269.761.565	7.269.761.592
Các khoản khác	25.333.724	965.000
Cộng	7.295.095.289	7.270.726.592

31. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Xử lý công nợ	461.778.714	-
Tiền chậm nộp thuế	1.293.981.780	-
Chi phí thiệt hại XDCB nhà xưởng	120.006.507	-
Chi hỗ trợ, ủng hộ	215.000.000	2.000.000
Các khoản khác	97.867.000	317.479.193
Cộng	2.188.634.001	319.479.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.222.119.531	22.971.222.265
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.233.924.001	1.364.769.193
- Điều chỉnh tăng	3.233.924.001	1.364.769.193
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.233.924.001	1.364.769.193
- Điều chỉnh giảm	-	-
+ Thu nhập đã tính thuế năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.456.043.532	24.335.991.458
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.891.208.706	4.867.198.292
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.891.208.706	4.867.198.292
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.999.863.114	5.566.996.650
Chi phí nhân công	6.077.431.101	5.811.164.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.581.371.809	2.510.761.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.353.378.407	1.912.038.031
Chi phí khác hằng tiền	7.258.733.360	6.039.340.669
Cộng	28.270.777.791	21.840.301.066

34. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng và thanh toán có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá trị hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc tiến độ thu hồi, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để có chỉ đạo kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	383.023.475.289	-	383.023.475.289
Chi phí phải trả	30.538.027	-	30.538.027
Vay và nợ thuê tài chính	42.530.000.000	-	42.530.000.000
Phải trả khác	109.489.972.275	21.222.414.922	130.712.387.197
Cộng	535.073.985.591	21.222.414.922	556.296.400.513
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	320.514.642.519	-	320.514.642.519
Chi phí phải trả	64.000.000	-	64.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	164.515.737.505	-	164.515.737.505
Phải trả khác	1.495.630.120	29.133.876.487	30.629.506.607
Cộng	486.590.010.144	29.133.876.487	515.723.886.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản ngắn hạn và tin tưởng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.643.635.061	-	25.643.635.061
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	241.001.162.740	-	241.001.162.740
Phải thu khách hàng	233.654.904.451	-	233.654.904.451
Phải thu khác	61.981.842.565	2.649.059.192	64.630.901.757
Cộng	562.281.544.817	2.649.059.192	564.930.604.009
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.849.245.291	-	33.849.245.291
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	156.600.000.000	-	156.600.000.000
Phải thu khách hàng	251.708.897.487	-	251.708.897.487
Phải thu khác	9.413.428.407	3.290.759.192	12.704.187.599
Cộng	451.571.571.185	3.290.759.192	454.862.330.377

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và các hoạt động phụ trợ khác liên quan trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Gas Phúc Tín	Chung quản lý chủ chốt

(*) Từ ngày 05/09/2023, Công ty CP Gas Phúc Tín không còn chung quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch trọng yếu phát sinh với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Bán hàng	605.505.613.695	775.257.199.958
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Mua hàng	-	272.432.396
	Bán hàng	912.359.153.328	993.831.339.018
	Phải thu lãi chậm thanh toán	13.451.828.016	15.750.826.655
	Phải trả lãi chậm thanh toán	2.947.145.887	4.393.993.723
Công ty TNHH Trung Nam	Thuê xe	220.202.016	221.885.516
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Mua hàng hóa, dịch vụ	12.842.455	-

c. Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2023		Năm 2022	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	660.000.000	660.000.000	660.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	240.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Ông Lê Tấn Cán	Thành viên HĐQT	60.000.000	36.000.000	36.000.000	24.000.000
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	-	66.500.000	66.500.000	40.000.000
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	120.000.000	17.500.000	17.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	21.600.000	21.600.000	20.000.000
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	16.000.000
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	16.000.000

d. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2023	Năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc	565.100.000	514.331.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	379.271.000	243.326.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	101.750.000
Ông Toshio Tatsuo	Phó Tổng Giám đốc	364.000.000	68.690.308
Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	-	95.969.923
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	471.660.000	448.267.500

e. Tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty

Tài sản của Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***e.1. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:**

- Các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2011, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BK 462604, số vào sổ cấp GCN CTs 04496 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 23/10/2021. Ngày 18/06/2021 VP đăng ký đất đai huyện Hòa Vang xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
 - ✓ GCN số CO 268976, số vào sổ cấp GCN CTs 159942 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/05/2018. Ngày 13/10/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy (số 61 Trọng Tấn);
 - ✓ GCN số CR 812724, số vào sổ cấp GCN CTs 191661 do Sở Tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 29/07/2019 (số 9 Đinh Châu);
 - ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Tô 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Số 391 Núi Thành);
 - ✓ GCN số BE 956301 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 24/10/2011, thửa đất số 496, tờ bản đồ số 5 (C49 – I - (20a)), địa chỉ thửa đất: 67A Phước Thành (nay là ĐanKia), P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
 - ✓ GCN số CS 169561 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 04/07/2019GCN, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 3 (C49-1-(21a)), địa chỉ thửa đất: Đan Kia, P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CK 438882, số vào sổ cấp GCN CS003169 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561703, số vào sổ cấp GCN VP05842 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 873, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561704, số vào sổ cấp GCN VP05843 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 874, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

e.2. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CK 117620 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/08/2017. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô 01, Khu 2C, Khu TĐC Nại Hiên Đông, P. Nại Hiên Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DA 379522 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/06/2021. Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 206, địa chỉ: Lô 01 – B2.2B TĐC Tân Trà, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DG 260682 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/09/2022. Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Tô 23, P. An Sơn, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số CP 875288 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2019. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô số 24B, KDC Thanh Lộc Đán A, đường Nguyễn Đức Trung, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DG 246722 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/08/2022. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: 222A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

e.3. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

e.4. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 cho lô đất tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

e.5. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số AL 846204, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H01499/Q28.T02 do Ủy ban nhân dân TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/02/2008;
 - ✓ GCN số 499067, số vào sổ cấp GCN: CS 13407 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2019.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

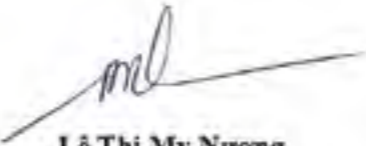
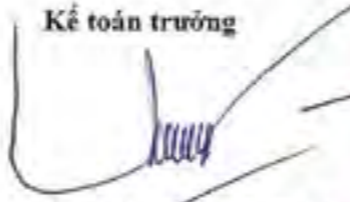

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)


(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		
Lê Thị Mỹ Nương	Nguyễn Thị Linh Thường	Nguyễn Văn Trung





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2023: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Lăng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Lê Tấn Cẩn | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Toshio Tatsuno | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/10/2022 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Bích | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Lê Thị Hồng Trang | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Trần Thị Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/10/2020 |
| • Ông Toshio Tatsuno | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13/10/2022 |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2022 |
| • Bà Võ Thị Ánh Nguyệt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Linh Thương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bích Thủy là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2021.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dong.vn vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 606/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 29/03/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Sa), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

Chi nhánh tại Hà Nội:
55 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		750.064.226.895	547.672.006.843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		76.558.271.807	80.854.376.536
1. Tiền	111	6	75.278.271.807	80.854.376.536
2. Các khoản tương đương tiền	112	7	1.280.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		281.001.162.740	156.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	281.001.162.740	156.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319.866.517.869	164.595.169.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	306.811.134.876	215.995.536.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10.a	42.252.769.182	5.289.314.336
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	2.086.000.000	2.086.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	12.a	76.067.940.352	46.377.068.360
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(107.351.326.541)	(105.152.749.657)
IV. Hàng tồn kho	140		32.900.966.655	97.768.027.619
1. Hàng tồn kho	141	14	32.900.966.655	97.768.027.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.737.307.824	47.854.433.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	4.798.146.253	3.952.511.431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.584.622.577	42.542.908.370
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.354.538.994	1.359.013.257
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.027.756.053.087	1.077.506.905.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.012.083.208	21.960.563.636
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	10.b	11.580.455.935	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	12.b	11.431.627.273	21.960.563.636
II. Tài sản cố định	220		471.654.098.786	502.833.719.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	16	471.654.098.786	502.833.719.861
- Nguyên giá	222		769.224.464.619	756.813.402.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(297.570.365.833)	(253.979.682.549)
2. Tài sản cố định vô hình	227	17	-	-
- Nguyên giá	228		2.818.181.818	2.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.818.181.818)	(2.818.181.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	18	94.132.132.810	94.180.895.062
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.049.008)	(146.286.756)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.759.849.125	5.061.010.704
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	19	1.759.849.125	5.061.010.704
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		437.197.889.158	453.470.715.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	404.690.377.578	420.493.815.120
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	30.773.487.994	30.682.089.161
3. Lợi thế thương mại	269	21	1.734.023.586	2.294.811.522
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.777.820.279.982	1.625.178.911.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.140.491.212.385	963.810.644.209
I. Nợ ngắn hạn	310		1.055.267.222.259	827.851.375.741
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	392.646.345.014	265.571.503.230
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	2.525.160.413	2.482.831.409
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	14.192.563.389	14.249.026.890
4. Phải trả người lao động	314		1.917.169.785	1.910.464.327
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	1.352.358.061	122.245.038
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	26.a	109.542.320.085	1.526.361.830
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	532.933.600.000	541.745.737.505
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		157.705.512	243.205.512
II. Nợ dài hạn	330		85.223.990.126	135.959.268.468
1. Phải trả dài hạn khác	337	26.b	74.289.738.901	86.454.922.225
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	44.000.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.934.251.225	5.504.346.243
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		637.329.067.597	661.368.267.700
I. Vốn chủ sở hữu	410		637.329.067.597	661.368.267.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	28	463.362.780.000	463.362.780.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Có phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28	(73.787.873.970)	(76.183.207.917)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(76.183.207.917)	(84.308.987.770)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.395.333.947	8.325.779.853
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	247.754.161.567	274.188.695.617
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.777.820.279.982	1.625.178.911.909

Người lập biểu

Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.876.724.101.426	2.073.867.401.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	44.479.571.024	52.353.524.392
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		1.832.244.530.402	2.021.513.876.742
4. Giá vốn hàng bán	11	33	1.581.739.889.999	1.798.027.176.671
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		250.504.640.403	223.486.700.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	17.284.558.039	39.644.265.060
7. Chi phí tài chính	22	35	41.492.810.286	38.306.495.630
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.627.711.836	35.473.407.095
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	36.a	207.480.407.002	198.427.596.859
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36.b	45.203.491.465	43.945.313.291
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(26.387.510.311)	(17.548.440.649)
12. Thu nhập khác	31	37	20.016.914.830	19.338.542.655
13. Chi phí khác	32	38	6.560.693.798	3.524.756.597
14. Lợi nhuận khác	40		13.456.221.032	15.813.786.058
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.931.289.279)	(1.734.654.591)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.769.404.675	8.140.526.893
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.338.506.149	3.447.648.328
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(24.039.200.103)	(13.322.829.812)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.395.333.947	8.325.779.853
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(26.434.534.050)	(21.648.609.665)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	52	180
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	52	180

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị My Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.931.289.279)	(1.734.654.591)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, LTTM	02	16;17;18	44.905.947.758	48.553.855.975
- Các khoản dự phòng	03		2.198.576.884	4.168.149.512
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.991.262.191)	(17.185.278.685)
- Chi phí lãi vay	06	35	36.627.711.836	35.473.407.095
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		55.809.685.008	69.275.479.306
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(153.787.595.922)	(15.792.585.325)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		64.867.060.964	(41.894.360.160)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		224.606.239.286	19.168.091.031
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	15	14.660.595.563	22.162.076.609
- Tiền lãi vay đã trả	14	35;25;26	(35.755.878.668)	(37.231.544.925)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.038.631.546)	(4.640.448.278)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(85.500.000)	(76.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		163.275.974.685	10.970.448.258
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(9.726.625.371)	(23.339.054.318)
2. Tiền thu từ TLý nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		15.000.000	55.518.519
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(281.001.162.740)	-
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		156.600.000.000	146.056.717.630
5. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12;34	19.352.846.202	15.689.365.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(114.759.941.909)	138.462.547.545
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	27	2.795.544.834.770	2.937.084.563.278
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	27	(2.848.356.972.275)	(3.083.257.405.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.812.137.505)	(146.172.842.440)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.296.104.729)	3.260.153.363
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6;7	80.854.376.536	77.594.223.173
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6;7	76.558.271.807	80.854.376.536

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị My Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

1.4 Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và 4 Công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty"). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 4 công ty)

> Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A/8 Đường Châu Văn Lông, KP Long Điền, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 225.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty Cổ phần Gas Miền Trung

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 327.272.730.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH Trung Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8G khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi. Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi. Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 230
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thương hiệu sản phẩm	Hết khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tồn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.11 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% đối với khí hóa lỏng LPG. Các hàng hóa, dịch vụ khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%. Riêng đối với thu nhập phát sinh từ dự án Kho chứa – Chiết nạp tại Khu công nghiệp Hậu cần Cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (thuộc Công ty CP Gas Miền Trung) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư có doanh thu. Miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính hợp nhất theo kết quả giải quyết khiếu nại của Tổng Cục thuế tại Quyết định số 283/QĐ-TCT ngày 13/03/2024. Theo đó, tiền truy thu thuế TNDN và phạt thuế TNDN năm 2020 phải nộp bổ sung lần lượt là 5.924.825.000 đồng và 1.184.965.000 đồng. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, 2021 và 2022 như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2020	Số liệu tại ngày 01/01/2020 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.973.807.056	29.929.475.806	27.955.668.750
2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	36.751.935.267	43.861.725.267	7.109.790.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(43.673.207.815)	(22.827.329.065)	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	8.439.155.563	8.439.155.563	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(52.112.363.378)	(31.266.484.628)	20.845.878.750

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Mã số	Năm 2020	Năm 2020 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Chi phí khác	32	8.825.066.770	10.010.031.770	1.184.965.000
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	59.951.267.186	65.876.092.186	5.924.825.000
3. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1.149.276.609)	(29.104.945.359)	(27.955.668.750)
4. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	60	(22.010.142.504)	(1.164.263.754)	20.845.878.750
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(475)	(25)	450
6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(475)	(25)	450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2021	Số liệu tại ngày 01/01/2021 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.452.605.495	30.408.274.245	27.955.668.750
2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	3.472.544.657	10.582.334.657	7.109.790.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(105.354.866.520)	(84.508.987.770)	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(43.673.207.815)	(22.827.329.065)	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(61.681.658.705)	(61.681.658.705)	-

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2022	Số liệu tại ngày 31/12/2022 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.726.420.411	30.682.089.161	27.955.668.750
2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	7.139.236.890	14.249.026.890	7.109.790.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(97.029.086.667)	(76.183.207.917)	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(105.354.866.520)	(84.508.987.770)	20.845.878.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8.325.779.853	8.325.779.853	-

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 thay đổi như sau: khoản mục “Chi phí khác”, “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” tăng lên lần lượt là 1.184.965.000 đồng, 5.924.825.000 đồng tương ứng với tiền phạt thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu; Khoản mục “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” giảm đi 27.955.668.750 đồng do chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Theo đó, “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020 tăng là 20.845.878.750 đồng. Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, chỉ tiêu “Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” tăng 27.955.668.750 đồng, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tăng 7.109.790.000 đồng và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này” tăng 20.845.878.750 đồng.

Ảnh hưởng lũy kế của việc điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2020 làm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2021 và 31/12/2022 có biến động như sau: khoản mục “Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” tăng 27.955.668.750 đồng, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tăng 7.109.790.000 đồng và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” tăng 20.845.878.750 đồng.

6. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	14.741.577.977	8.664.043.119
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.536.693.830	72.190.333.417
Cộng	75.278.271.807	80.854.376.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	1.280.000.000	-
Cộng	1.280.000.000	-

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	281.001.162.740	281.001.162.740	156.600.000.000	156.600.000.000
Cộng	281.001.162.740	281.001.162.740	156.600.000.000	156.600.000.000

Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, phát hành bảo lãnh, L/C tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hội An và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.045.052.336	84.045.052.336
Các đối tượng khác	222.766.082.540	131.950.484.255
Cộng	306.811.134.876	215.995.536.591

(*) Trong tổng số các khoản nợ phải thu khách hàng tại 31/12/2023, có 251.214.832.581 đồng là các khoản phải thu khách hàng tại Công ty CP Gas Miền Trung và Công ty và CP Dầu khí V-Gas đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Trả trước cho người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	34.738.200.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	20.597.727.272	-
- Bà Ngô Thị Sạch	4.349.009.092	-
- Ông Bùi Công Dương	3.672.000.000	-
- Các đối tượng còn lại	6.119.463.636	-
Công ty TNHH Kỹ thuật gia công cơ khí Minh Huy	1.264.384.187	1.264.384.187
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ô tô Nam Phát	1.440.225.000	1.610.225.000
Công ty CP Gas Phúc Tín	1.622.305.309	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng AV Design	880.000.000	-
Các đối tượng khác	2.307.654.686	2.414.705.149
Cộng	42.252.769.182	5.289.314.336

(*) Đây là các khoản trả trước 90% tiền mua 99% cổ phần của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai, Công ty CP Hà Hương Phát và Công ty CP Gas Đại Sự theo các hợp đồng số 01/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 02/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 03/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 04/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 05/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 06/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 07/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023, 08/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023 và 09/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023. Tổng giá trị mua lại 99% cổ phần của công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai, Công ty CP Hà Hương Phát và Công ty CP Gas Đại Sự lần lượt là 19.000.000.000 đồng, 9.500.000.000 đồng và 10.098.000.000 đồng. Thời gian hoàn tất việc chuyển nhượng và được Công ty CP Thương mại Dịch vụ An Thắng Mai, Công ty CP Hà Hương Phát, Công ty CP Gas Đại Sự xác nhận hoàn tất giao dịch là trong quý I/2024.

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Gas Phúc Tín	11.580.455.935	-
Cộng	11.580.455.935	-

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Ông Trần Minh Đạt (*)	2.086.000.000	2.086.000.000
Cộng	2.086.000.000	2.086.000.000

(*) Là khoản tiền Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con) cho ông Trần Minh Đạt vay theo hợp đồng số 01/2020/HĐMT-TNAM-TMĐ ngày 10/03/2020 và Phụ lục Hợp đồng cho mượn tiền số 01-2023/PLHĐGHMT ngày 30/12/2023. Thời hạn trả tiền là 31/12/2024. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo và không tính lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.572.039.826	-	7.948.623.837	-
Ký cược, ký quỹ	60.283.663.499	-	2.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ký quỹ mở LC)	58.670.000.000	-	-	-
- Công ty CP Gas Phúc Tín	1.543.818.182	-	2.000.000.000	-
- Các đối tượng còn lại	67.843.317	-	-	-
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	(771.927.748)	771.927.748	(771.927.748)
Tạm ứng	492.066.150	-	34.182.579.079	-
Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Trung (*)	9.437.500.000	-	-	-
Phải thu khác	1.510.743.129	-	1.473.937.696	-
Cộng	76.067.940.352	(771.927.748)	46.377.068.360	(771.927.748)

(*) Là khoản tiền phải thu Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam – Chi nhánh Miền Trung (gọi tắt là “Kinh doanh khí Miền Nam”) tại Công ty CP Gas Miền Trung từ việc ký quỹ cho 53.981 vỏ bình gas loại 12kg và 1.000 vỏ bình gas loại 45kg của nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS theo Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMT-MIENTRUNG/B2-A ngày 01/04/2019 và các hợp đồng/tài liệu có liên quan. Hợp đồng số 11/2019/CNMT-MIENTRUNG/B2-A ngày 01/04/2019 có thời hạn từ 01/04/2019 đến 31/03/2021 và không được các bên tiếp tục gia hạn.

Hiện nay, Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam đã khởi kiện Công ty để đòi lại số vỏ bình nêu trên. Ngày 09/03/2023, Tòa án Nhân dân Thị xã Điện Bàn đã có phiên sơ thẩm và có Bản án số 03/2023/KDTM-ST về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng”. Ngày 22/08/2023, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Nam đã phúc thẩm và có Bản án số 06/2023/KDTM-PT. Theo đó, Bản án phúc thẩm buộc Công ty Gas Miền Trung phải trả cho Kinh doanh Khí Miền Nam 53.981 vỏ bình gas loại 12kg và 1.000 vỏ bình gas loại 45kg nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS hoặc quy đổi ra trị giá bằng tiền là 28.590.500.000 đồng (nếu không trả được bằng vỏ bình); Sau khi trừ số tiền Công ty đã ký quỹ 9.437.500.000 đồng thì Công ty CP Gas Miền Trung còn phải trả cho Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam là 19.153.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty CP Gas Miền Trung cho rằng yêu cầu khởi kiện của Kinh doanh khí Miền Nam là không đúng nội dung của hợp đồng và không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng. Đồng thời, Kinh doanh khí Miền Nam không phải là chủ sở hữu của các vỏ bình nêu trên và không còn được Tổng Công ty Khí Việt Nam cho sử dụng các nhãn hiệu này; Do đó, Công ty CP Gas Miền Trung không thể trả vỏ bình cho Kinh doanh khí Miền Nam. Công ty CP Gas Miền Trung đã gửi văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 08/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT, cụ thể:

- Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tạm đình chỉ thi hành Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Cho đến thời điểm hiện nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chưa tiến hành mở lại phiên xét xử sơ thẩm.

b. Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	11.431.627.273	-	21.960.563.636	-
- Công ty CP Gas Phúc Tín (Bên liên quan)	10.444.727.273	-	11.536.363.636	-
- Các đối tượng còn lại	986.900.000	-	10.424.200.000	-
Cộng	11.431.627.273	-	21.960.563.636	-

13. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2023	Năm 2022
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	(105.152.749.657)	(100.984.600.145)
Dự phòng trích trong năm	(2.198.576.884)	(5.068.149.512)
Hoàn nhập dự phòng	-	900.000.000
Số dư dự phòng phải thu cuối năm	(107.351.326.541)	(105.152.749.657)

14. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.056.564.828	-	12.346.010.046	-
Công cụ, dụng cụ	1.638.593.676	-	19.083.003.507	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	586.273.884	-
Thành phẩm	1.130.069.153	-	1.660.349.586	-
Hàng hóa	22.075.738.998	-	64.092.390.596	-
Cộng	32.900.966.655	-	97.768.027.619	-

(*) Trong tổng hàng tồn kho tại 31/12/2023, có 31.101.116.902 đồng giá trị hàng tồn kho tại Công ty CP Gas Miền Trung và Công ty CP Dầu khí V Gas đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.744.653.185	1.453.834.203
Chi phí bảo hiểm	926.005.758	812.368.490
Phí bảo lãnh, upus	729.894.295	366.009.651
Chi phí trả trước khác	1.397.593.015	1.320.299.087
Cộng	4.798.146.253	3.952.511.431

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí kiểm định vô hình	5.209.466.374	6.769.928.095
Chi phí quyền khai thác kinh doanh (i)	8.704.641.274	9.963.143.626
Chi phí vô hình phân bổ	352.352.707.414	367.571.351.193
Chi phí bảo dưỡng vô hình	14.316.711.434	12.159.183.032
Tiền thuê đất (ii)	16.096.734.884	16.667.050.052
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	8.010.116.198	7.363.159.122
Cộng	404.690.377.578	420.493.815.120

(i) Là chi phí mà Công ty CP Dầu khí V-Gas phải trả để nhận lại quyền kinh doanh trực tiếp với các đại lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Thiên Phú tại địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, quyền quản lý, khai thác khách hàng số 09/2020/HĐV GASĐX-LTP ngày 25/09/2020. Thời gian phân bổ là 10 năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/09/2022/NQ-VGas ngày 01/09/2022.

(ii) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

Địa điểm	Thời hạn (năm)	Thời gian kết thúc	Diện tích (m ²)	Số tiền
- Lô số 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	10	30/06/2027	11.556	514.200.090
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15	31/12/2035	3.150	614.085.266
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	25	23/10/2046	980	361.446.540
- KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	50	15/06/2066	48.980	14.602.719.027
- Các địa điểm nhỏ lẻ khác	-	-	-	4.283.961
Cộng				16.096.734.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	127.979.412.098	540.733.002.185	85.978.839.309	773.985.636	1.348.163.182	756.813.402.410
Tăng trong năm	1.244.920.636	720.540.000	5.806.419.607	75.062.500	-	7.846.942.743
XDCB hoàn thành	1.527.761.037	3.742.072.715	-	-	-	5.269.833.752
Thanh lý, nhượng bán	-	-	705.714.286	-	-	705.714.286
Số cuối năm	130.752.093.771	545.195.614.900	91.079.544.630	849.048.136	1.348.163.182	769.224.464.619
Khấu hao						
Số đầu năm	30.804.979.176	184.418.815.845	37.683.170.373	326.186.183	746.530.972	253.979.682.549
Khấu hao trong năm	5.647.062.931	30.834.394.640	7.485.324.886	114.551.754	215.063.359	44.296.397.570
Thanh lý, nhượng bán	-	-	705.714.286	-	-	705.714.286
Số cuối năm	36.452.042.107	215.253.210.485	44.462.780.973	440.737.937	961.594.331	297.570.365.833
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	97.174.432.922	356.314.186.340	48.295.668.936	447.799.453	601.632.210	502.833.719.861
Số cuối năm	94.300.051.664	329.942.404.415	46.616.763.657	408.310.199	386.568.851	471.654.098.786

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 328.553.740.033 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 43.681.380.021 đồng.

17. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2023 của Công ty là các nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.818.181.818 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	-	146.286.756	146.286.756
Khấu hao trong năm	-	48.762.252	48.762.252
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	195.049.008	195.049.008
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.351.936.778	828.958.284	94.180.895.062
Số cuối năm	93.351.936.778	780.196.032	94.132.132.810

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2023, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Hệ thống bồn chứa LPG	983.016.111	1.966.032.222
Chi phí xây dựng cơ bản khác	776.833.014	3.094.978.482
Cộng	1.759.849.125	5.061.010.704

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	30.773.487.994	30.682.089.161
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.773.487.994	30.682.089.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Lợi thế thương mại

	Năm 2023	Năm 2022
Giá trị đầu năm	2.294.811.522	2.855.599.458
Phân bổ trong năm	560.787.936	560.787.936
Giá trị cuối năm	1.734.023.586	2.294.811.522

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	18.296.907.920	27.448.730.195
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP - Công ty kinh doanh Sản phẩm khí	353.766.927.957	176.376.230.329
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	12.003.465.707	-
Các đối tượng khác	8.579.043.430	61.746.542.706
Cộng	392.646.345.014	265.571.503.230

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Chiết xuất gas Phương Thiên Hưng	648.553.623	648.553.623
Công ty TNHH TMDV Dầu khí Sài Gòn Hưng Thịnh	675.976.705	7.019.132
Các đối tượng khác	1.200.630.085	1.827.258.654
Cộng	2.525.160.413	2.482.831.409

24. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trung kỳ	Số thực nộp trung kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT	-	402.686.010	19.284.165.889	19.319.032.813	-	367.819.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.284.454.995	12.587.928.408	5.769.404.675	7.038.631.546	1.284.454.995	11.318.701.537
Thuế thu nhập cá nhân	70.427.874	45.914.143	437.841.153	456.746.235	70.083.999	26.665.186
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	987.454.672	987.454.672	-	-
Các loại thuế khác	4.130.388	1.212.498.329	1.586.403.486	315.393.847	-	2.479.377.580
Cộng	1.359.013.257	14.249.026.890	28.065.269.875	28.117.259.113	1.354.538.994	14.192.563.389

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí lãi vay	1.347.376.088	-
Các khoản trích trước khác	4.981.973	122.245.038
Cộng	1.352.358.061	122.245.038

26. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn, BHXH	15.053.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Phải trả LC Upes Ngân hàng đã thực hiện thanh toán)	108.290.000.000	-
Lãi vay phải trả	-	475.542.920
Thủ lao HĐQT, BKS	1.197.600.000	1.017.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.667.085	33.218.910
Cộng	109.542.320.085	1.526.361.830

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	74.289.738.901	86.454.922.225
Cộng	74.289.738.901	86.454.922.225

27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải An	363.680.000.000	2.130.656.102.943	2.109.836.102.943	384.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	62.050.000.000	279.540.000.000	310.490.000.000	31.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Đà Nẵng	59.600.000.000	-	59.600.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng	-	174.920.000.000	174.920.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	56.415.737.503	113.095.131.827	149.510.869.332	30.000.000.000
- Tokai Corporation	-	97.333.600.000	-	97.333.600.000
Cộng	541.745.737.503	2.795.544.834.770	2.804.356.972.275	532.933.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2022	463.362.780.000	(84.508.987.770)
Tăng trong năm	-	8.325.779.853
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	463.362.780.000	(76.183.207.917)
Số dư tại 01/01/2023	463.362.780.000	(76.183.207.917)
Tăng trong năm	-	2.395.333.947
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	463.362.780.000	(73.787.873.970)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	463.362.780.000	463.362.780.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(76.183.207.917)	(84.508.987.770)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.395.333.947	8.325.779.853
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(73.787.873.970)	(76.183.207.917)

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 22/04/2023 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

29. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	274.188.695.617	295.837.305.282
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	(26.434.534.050)	(21.648.609.665)
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ	(26.434.534.050)	(21.648.609.665)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	-	-
Cộng	247.754.161.567	274.188.695.617

30. Tài sản ngoài bảng

	31/12/2023	01/01/2023
Vỏ bình ga các loại (cái)	55.322	55.322
- Vỏ bình 12 kg	54.322	54.322
- Vỏ bình 45 kg	1.000	1.000

Đây là vỏ bình của đối tác (là các Công ty kinh doanh ga) được Công ty nhận về phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh ga có đặc điểm là vỏ bình luôn được luân chuyển, xoay vòng giữa kho và các đại lý của Công ty.

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	1.853.347.681.529	2.048.969.217.417
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.663.623.952	22.459.559.924
Doanh thu khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng,...)	1.712.795.945	2.438.623.793
Cộng	1.876.724.101.426	2.073.867.401.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Chiết khấu thương mại	44.479.571.024	52.353.524.392
Cộng	44.479.571.024	52.353.524.392

33. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn bán hàng hóa	1.565.328.723.491	1.775.452.247.220
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.149.924.191	22.475.116.246
Giá vốn của hoạt động khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng)	261.242.317	99.813.205
Cộng	1.581.739.889.999	1.798.027.176.671

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.976.262.191	17.129.760.166
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	806.832.259	19.487.973.606
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	91.008.000
Lãi chậm thanh toán	1.486.312.329	2.935.523.288
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.151.260	-
Cộng	17.284.558.039	39.644.265.060

35. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	36.627.711.836	35.473.407.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	669.839.110	2.441.352.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.099.565.340	18.170
Chi phí tài chính khác	95.694.000	391.717.633
Cộng	41.492.810.286	38.306.495.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên bán hàng	29.260.106.497	27.465.527.321
Chi phí vô hình phân bổ, thương hiệu	83.079.643.940	77.434.833.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.509.200.937	37.893.871.760
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	23.028.204.810	22.203.516.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.133.271.937	4.710.185.967
Các khoản khác	24.469.978.881	28.719.661.220
Cộng	207.480.407.002	198.427.596.859

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	2.645.069.831	1.769.538.335
Chi phí nhân viên quản lý	22.436.700.027	20.047.285.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.194.497.177	6.483.009.840
Chi phí dự phòng	2.198.576.884	4.168.149.512
Phân bổ lợi thế thương mại	560.787.936	560.787.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.322.937.978	3.104.703.270
Các khoản khác	7.844.921.632	7.811.839.229
Cộng	45.203.491.465	43.945.313.291

37. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Phân bổ tiền nhận ký cược vô hình gas	19.968.348.355	18.980.639.634
Các khoản thu nhập khác	48.566.475	357.903.021
Cộng	20.016.914.830	19.338.542.655

38. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Xử lý công nợ	461.778.714	-
Phân bổ tiền đặt cược vô hình gas không được hoàn	3.793.198.456	2.106.845.271
Phạt chậm nộp thuế	1.293.981.780	-
Chi phí khác	1.011.734.848	1.417.911.326
Cộng	6.560.693.798	3.524.756.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.395.333.947	8.325.779.853
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.395.333.947	8.325.779.853
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	46.336.278	46.336.278
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	52	180

40. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.137.702.781	10.443.712.931
Chi phí nhân công	56.496.093.132	52.236.541.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.905.947.758	48.553.855.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.538.222.796	91.618.631.327
Chi phí khác bằng tiền	48.318.969.459	61.901.176.131
Cộng	277.396.935.926	264.753.917.578

41. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, cụ thể:

- ❖ Khu vực Miền Trung: Gồm Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Gas Miền Trung và Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị.
- ❖ Khu vực Miền Nam: Gồm Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bộ phận	1.150.212.420.101	1.214.384.687.744	726.511.681.325	859.482.713.390	1.876.724.101.426	2.073.867.401.134
Các khoản giảm trừ doanh thu	19.482.024.415	25.231.690.611	24.997.546.609	27.121.833.781	44.479.571.024	52.353.524.392
Giá vốn hàng bán bộ phận	985.821.485.369	1.040.413.380.703	595.918.404.630	757.613.795.968	1.581.739.889.999	1.798.027.176.671
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	144.908.910.317	148.739.616.430	105.595.730.086	74.747.083.641	250.504.640.403	223.486.700.071
Doanh thu hoạt động tài chính	16.884.652.171	29.240.496.188	399.905.868	10.403.768.872	17.284.558.039	39.644.265.060
Chi phí hoạt động tài chính	31.176.620.639	27.929.283.941	10.316.189.647	10.377.211.689	41.492.810.286	38.306.495.630
- Chi phí lãi vay	28.661.597.529	25.205.682.459	7.966.114.307	10.267.724.636	36.627.711.836	35.473.407.095
- Chi phí tài chính khác	2.515.023.110	2.723.601.482	2.350.075.340	109.487.053	4.865.098.450	2.833.088.535
Chi phí bán hàng	128.454.904.522	122.262.946.994	79.025.502.480	76.164.649.865	207.480.407.002	198.427.596.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.871.121.439	25.244.214.037	15.332.370.026	18.701.099.254	45.203.491.465	43.945.313.291
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(27.709.084.112)	2.543.667.646	1.321.573.801	(20.092.108.295)	(26.387.510.311)	(17.548.440.649)
Thu nhập khác	9.538.693.592	9.350.436.164	10.478.221.238	9.988.106.491	20.016.914.830	19.338.542.655
Chi phí khác	2.747.478.553	741.518.023	3.813.215.245	2.783.238.574	6.560.693.798	3.524.756.597
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	6.791.215.039	8.608.918.141	6.665.005.993	7.204.867.917	13.456.221.032	15.813.786.058
Lợi nhuận trước thuế	(20.917.869.073)	11.152.585.787	7.986.579.794	(12.887.240.378)	(12.931.289.279)	(1.734.654.591)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.025.462.523	4.989.895.128	2.743.942.152	3.150.631.765	5.769.404.675	8.140.526.893
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.445.678.479	3.522.836.689	(107.172.330)	(75.188.361)	5.338.506.149	3.447.648.328
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(29.389.010.075)	2.639.853.970	5.349.809.972	(15.962.683.782)	(24.039.200.103)	(13.322.829.812)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

42. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng và thanh toán có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá mua hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Các biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc đòi nợ, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để đánh giá kịp thời về các rủi ro tổn thất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Đơn vị tính: VND		Tổng
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	
Phải trả người bán	392.646.345.014	-	392.646.345.014
Chi phí phải trả	1.352.358.061	-	1.352.358.061
Vay và nợ thuê tài chính	532.933.600.000	-	532.933.600.000
Phải trả khác	109.527.267.085	74.289.738.901	183.817.005.986
Cộng	1.036.459.570.160	74.289.738.901	1.110.749.309.061

01/01/2023	Đơn vị tính: VND		Tổng
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	
Phải trả người bán	265.571.503.230	-	265.571.503.230
Chi phí phải trả	122.245.038	-	122.245.038
Vay và nợ thuê tài chính	541.745.737.505	44.000.000.000	585.745.737.505
Phải trả khác	1.526.361.830	86.454.922.225	87.981.284.055
Cộng	808.965.847.603	130.454.922.225	939.420.769.828

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Đơn vị tính: VND		Tổng
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.558.271.807	-	76.558.271.807
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	281.001.162.740	-	281.001.162.740
Phải thu khách hàng	200.231.736.083	-	200.231.736.083
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	74.803.946.454	11.431.627.273	86.235.573.727
Cộng	634.681.117.084	11.431.627.273	646.112.744.357

01/01/2023	Đơn vị tính: VND		Tổng
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.854.376.536	-	80.854.376.536
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	156.600.000.000	-	156.600.000.000
Phải thu khách hàng	111.614.714.682	-	111.614.714.682
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	11.422.561.533	21.960.563.636	33.383.125.169
Cộng	362.577.652.751	21.960.563.636	384.538.216.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Gas Mai Hàn Phát	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Gas Phúc Tín (*)	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Gas Hà Kiều	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thăng Mai	Chung quản lý chủ chốt

(*) Từ ngày 05/09/2023, Công ty CP Gas Phúc Tín không còn chung quản lý chủ chốt

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm	
		2023	2022
Ông Nguyễn Tiến Lăng	Thu lãi chậm hoàn ứng	1.486.312.329	2.935.523.288
Công ty CP Gas Mai Hàn Phát	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.571.417.760	2.292.805.893
Công ty CP Gas Phúc Tín	Bán hàng hóa, dịch vụ	22.687.935.463	27.699.827.052
	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.894.873.507	2.236.363.644
Công ty CP Gas Hà Kiều	Bán hàng hóa, dịch vụ	23.780.649.135	32.701.137.963
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thăng Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	9.854.400.573	12.758.560.190
	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.145.173.371	4.509.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Gas Mai Hàn Phát	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	134.216.117	106.209.583
Công ty CP Gas Phúc Tín	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.389.917.926	4.820.899.887
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.622.305.309	-
	Trả trước cho người bán dài hạn	11.580.455.935	-
	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.545.818.182	-
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.444.727.273	-
	Phải trả người bán ngắn hạn	-	7.363.637
Công ty CP Gas Hà Kiều	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.823.984.310	499.884.750
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thăng Mai	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.268.783.517	2.624.031.133
	Phải trả người bán ngắn hạn	305.744.700	-

d. Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2023		Năm 2022	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lăng	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	660.000.000	660.000.000	660.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	240.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Ông Lê Tấn Cán	Thành viên HĐQT	60.000.000	36.000.000	36.000.000	24.000.000
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	-	66.500.000	66.500.000	40.000.000
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	120.000.000	17.500.000	17.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	21.600.000	21.600.000	20.000.000
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	16.000.000
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	16.000.000

e. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2023	Năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc	565.100.000	514.331.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	379.271.000	243.326.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	101.750.000
Ông Toshio Tatsuno	Phó Tổng Giám đốc	364.000.000	68.690.308
Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	-	95.969.923
Bà Nguyễn Thị Linh Thương	Kế toán trưởng	471.660.000	448.267.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f. Tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Công ty

Tài sản của Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty như sau:

f.1. Tại Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

- Các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:

- ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2011, thửa đất số 117, tờ bản đồ số 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số BK 462604, số vào sổ cấp GCN CTs 04496 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 23/10/2021. Ngày 18/06/2021 VP đăng ký đất đai huyện Hòa Vang xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
- ✓ GCN số CO 268976, số vào sổ cấp GCN CTs 159942 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/05/2018. Ngày 13/10/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy (số 61 Trọng Tấn);
- ✓ GCN số CR 812724, số vào sổ cấp GCN CTs 191661 do Sở Tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 29/07/2019 (số 9 Đinh Châu);
- ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Tô 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Số 391 Núi Thành);
- ✓ GCN số BE 956301 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 24/10/2011, thửa đất số 496, tờ bản đồ số 5 (C49 – I – (20a)), địa chỉ thửa đất: 67A Phước Thánh (nay là ĐanKia), P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- ✓ GCN số CS 169561 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 04/07/2019GCN, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 3 (C49-1-(21a)), địa chỉ thửa đất: Đan Kia, P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:

- ✓ GCN số CK 438882, số vào sổ cấp GCN CS003169 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
- ✓ GCN số DK 561703, số vào sổ cấp GCN VP05842 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 873, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
- ✓ GCN số DK 561704, số vào sổ cấp GCN VP05843 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 874, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;

- ✓ GCN số CK 117620 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/08/2017. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô 01, Khu 2C, Khu TĐC Nại Hiền Đông, P. Nại Hiền Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DA 379522 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/06/2021. Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 206, địa chỉ: Lô 01 – B2.2B TĐC Tân Trà, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DG 260682 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/09/2022. Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Tô 23, P. An Sơn, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.
- ✓ GCN số CP 875288 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2019. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô số 24B, KDC Thanh Lộc Đán A, đường Nguyễn Đức Trung, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DG 246722 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/08/2022. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: 222A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số AL 846204, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H01499/Q28.T02 do Ủy ban nhân dân TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/02/2008;
 - ✓ GCN số 499067, số vào sổ cấp GCN: CS 13407 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2019.

f.2. Tại Công ty CP Gas Miền Trung

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số BC 702599 do UBND Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2011. Thửa đất số 140, tờ bản đồ số: 45, địa chỉ tại Lô 14-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;

- ✓ GCN số BC 771976 do UBND Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2011. Thửa đất số 141, tờ bản đồ số: 45, địa chỉ tại Lô 15-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số Đ 487444 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 17/05/2004. Thửa đất số 430, tờ bản đồ số: KT01/1, địa chỉ tại P. Hòa Cường, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số CC 884440, số vào sổ cấp GCN: CS 002571 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016. Thửa đất số 483/1, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ tại Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3401020539 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 13/12/2000. Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 57 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số AD 337778 do UBND Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 29/11/2005. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Lô 12 Khu Mã Tây, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- ❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An**
 - Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số V 699445 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(22), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số V 699446 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(23), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 031209 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 30/12/2003, tại thửa đất số 738, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số BE 104581 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 26/07/2011, tại thửa đất số 259/3, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Viêm Trung, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CHĐ61824 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/10, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CHĐ61825 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/11, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CHĐ61826 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/12, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số Đ 031326 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 17(1), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Nam;

- ✓ GCN số Đ 031327 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 18(2), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số AP 273957 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 04/07/2009, tại thửa đất số 18(3), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Ngọc Vinh, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số CD 771978 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/08/2016 tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 347 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số B1 185048 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/10/2012 tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 164, địa chỉ: 71 Nam Cao, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số AD 290457 do Chủ tịch UBND quận Hải Châu cấp ngày 26/08/2005 tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 53 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Xe ô tô
 - ✓ Xe ô tô con hiệu Toyota, biển kiểm soát 52X-9432;
 - ✓ Xe ô tô con hiệu Mercedes, biển kiểm soát số 56P-2383;
 - ✓ Xe ô tô con hiệu BMW, biển kiểm soát số 50Z-3667.

1.3. Tại Công ty CP Dầu khí V-Gas**❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số DK 412160 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/05/2023, tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 7, khu tái định cư thôn 1, P.Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 412161 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/05/2023, tại thửa đất số 867, tờ bản đồ số 7, khu tái định cư thôn 1, P.Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CC884441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016, tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH 361823 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017, tại thửa đất số 491/9, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

44. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

45. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Lê Thị My Nương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung